

Phùng Văn Phụng

Hồi Ký





Phùng Văn Phụng 3

Sơ lược về người viết

Sinh năm 1942, quê quán làng Đông Thạnh, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An

Tốt nghiệp trường Sư phạm Sài Gòn năm 1965

Tốt nghiệp Đại học Luật Khoa Sài Gòn năm 1967

Cựu Giáo Sư trường trung học Lương Văn Can, Quận 8 Sài Gòn, năm 1970-1975

Thuở nhỏ tôi sống ở miền quê heo lánh, đó là làng Đông Thạnh, cách xa quận lỵ Cần Giuộc về hướng đông nam khoảng sáu, bảy cây số. Từ nhà tôi muốn đi lên quận Cần Giuộc phải đi bằng xe ngựa hay bằng xe đạp, mất khoảng bốn mươi phút.

Làng Đông Thạnh thuộc Tổng Phước Điền Hạ, phía Bắc là làng Phước Vĩnh Tây, phía Đông là làng Phước Vĩnh Đông và làng Tân Tập, phía Tây là làng Long Phụng, phía Nam là làng Long Hựu. Nếu đi về hướng đông sẽ gặp sông Soai rập và Rừng Sát nổi tiếng có nhiều cọp dữ thời gian trước khi Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam phần.

Lúc tôi khoảng sáu bảy tuổi, ở phía trước căn nhà lá nghèo nàn, có vũng sinh cho nên muỗi rất nhiều, buổi tối chưa kịp giăng mùng, muỗi cắn phải không kịp. Nhà tôi buôn bán tạp hóa đủ các món lặt vặt như đường cát, dầu hôi, đậu xanh, đậu trắng, đậu đỏ, giấy tiền, vàng bạc, gạo, muối, sà bông ... Tối giăng mùng ngủ rồi cũng còn có người kêu cửa để mua thuốc lá hay kẹo bánh v.v...

Khi mưa xuống, đường sá ở quê tôi rất trơn trượt. Sau cơn mưa, khi chạy xe đạp, hai bánh xe sẽ dính đầy bùn đất sét. Hai bánh xe sẽ kẹt cứng, chỉ có cách dùng que củi để nạy từng miếng bùn ra khỏi bánh xe. Muốn đi đâu, chỉ có cách lội bộ, dùng các ngón chân bám vào đất, từ từ mà bước nếu không sẽ trượt té, “đo đất” dễ dàng. Mùa nắng, một cơn gió thoảng qua, bụi bay tứ tung, đưa bụi đất đỏ bám vào áo quần, đầu tóc. Mỗi lần có chiếc xe lam chạy qua, phải nín thở, lấy khăn tay che miệng, bịt mũi để không phải hít bụi màu đỏ sậm rất dơ bẩn.

Thầy hai Lang dạy tôi lớp hai, nước da thầy xanh xao, khuôn mặt gầy gò, thân hình thầy ốm nhom, sau này tôi mới biết thầy bị bệnh lao phổi.

Lên lớp ba, tôi học thầy ba Hương, anh của cậu bảy Nhẫn làm y tá, bác ruột của Trần Thị Thanh Thủy cùng học chung trường trung học Cần Giuộc với tôi. Thầy ba Hương dạy rất kỹ lưỡng, nắn nót từng chữ viết cho chúng tôi. Gạch hàng ngay ngắn trong giờ tập viết. Hòì đó chỉ có loại ngòi viết chấm mực tím hay mực đen. Học sinh nào cũng mang theo bình mực, ngòi viết dùng một thời gian bị mòn, bị hư phải bỏ, mua ngòi viết khác. Lúc đó chưa có loại viết bút bi không cần chấm mực như bây giờ.

Thanh Thủy hơn tôi hai tuổi. Tôi đang học lớp đệ lục (lớp 7 bây giờ), mỗi buổi sáng tôi đợi chiếc xe Lam từ ngã tư ra để đi học ở quận Cần Giuộc. Hôm nào lên xe, thấy có Thanh Thủy tôi thích thú lắm. Hôm nào không có cô nàng, tôi tiếc nuối耿耿.

Cuối năm học lớp đệ ngũ, tôi lên ở nhà thầy Lê Xuân Thu, giáo sư dạy nhạc của trường Trung học Cần Giuộc, để học nhạc và học thêm Toán Lý Hoá. Nguyễn Minh Diệu cũng cùng ở nhà thầy Thu với tôi để học thêm. Mặc dầu những năm tôi học lớp đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, tôi đều đứng hạng nhất, hạng nhì của lớp B1. Vì nhà thầy Thu ở Khánh Hội, quá nhiều muỗi, khi ngủ tôi thường lăn ra khỏi mùng, nên bị muỗi cắn và bị bệnh sốt rét. Mùa tựu trường của năm học lớp đệ tứ, mấy tháng đầu nhập học tôi đã bị sốt nhiều lần. Tôi nghĩ rằng tôi chỉ bị cảm thường, nhưng thực ra tôi bị bệnh sốt rét nặng, gọi là sốt rét ngã nước. Mỗi lần sốt tôi bị nóng nhiệt độ lên đến 40, 41 độ C, sau đó, tôi lại lạnh run, lạnh quá, đắp bao nhiêu cái mền cũng không hết run. Đi khám bác sĩ Phạm Hữu Chương, đi khám bệnh ở bác sĩ Thức cũng không bác sĩ nào chữa khỏi. Có lúc phải nằm nhà thương cả tuần lễ. Vì là năm thi Trung học đệ nhất cấp đầu tiên của trường Trung Học Cần Giuộc cũng là năm thi đầu tiên của toàn quận, nên thầy cô và cả gia đình tôi đều kỳ vọng vào kỳ thi này. Tôi sợ bị bệnh không thể thi được. Cuối cùng tôi đã được bác sĩ người Pháp cho tôi uống 20 viên

thuốc “kí-nin” trong một tuần. Ngày đầu tiên tôi uống năm viên và giảm dần mỗi ngày cho đến ngày cuối cùng là hai viên. Uống thuốc nhiều ngay trong những ngày đầu, vì trùng sốt rét đã chịu thua, nhưng tôi cũng bị ảnh hưởng là bị lũng bủng lỗ tai vì dùng quá nhiều thuốc. Sau khi uống thuốc “kí nin” theo cách trị bệnh của bác sĩ người Pháp này, tôi khỏi hẳn không còn bị sốt rét nữa. Nhưng sức khỏe của tôi không còn như xưa. Tôi không còn chơi thể thao, chạy xa hay chạy nhanh được nữa.

Năm 1959, lần đầu đi thi Trung học đệ nhất cấp, thi cả hai môn viết và vấn đáp. phụ huynh học sinh, ông Hiệu trưởng Trần Văn Quới, thầy cô giáo của trường Trung Học Cần Giuộc đều lo lắng theo dõi cuộc thi lần đầu tiên này. Gia đình tôi là gia đình nông dân, thân nhân bà con cô bác ở làng Tân Tập sống bằng nghề làm ruộng, cho nên họ thấy ai có đi học thì họ quý lắm.

Ngày đầu tiên xuống Mỹ Tho để thi Trung học đệ nhất cấp, tôi ở chung với các bạn trong Thánh Thất Cao Đài, khi ngủ phải nằm san sát nhau, hôm sau, ba tôi xuống mượn phòng ngủ để tôi có chỗ nghỉ ngơi, yên tĩnh, thoải mái. Ban đêm có chỗ ngủ đàng hoàng để tôi có tinh thần và có sức khỏe làm bài thi. Năm đó tôi đã thi đậu Trung Học Đệ Nhất cấp, hạng Bình thứ.

Thầy Lê Xuân Thu bị động viên và đã chết trận khi thầy chưa vợ, chưa con. Em thầy Thu là Lê Hữu Đông cũng chết trận khi lên đến Trung Tá. Em gái của thầy Thu vượt biên mất tích.

Một kỷ niệm khó quên vào năm học lớp hai tại trường tiểu học Rạch Núi vì gia đình nghèo chỉ có bộ đồ bà ba đen mặc đi học hàng ngày. Thấy Trần Khương Thới nhà ở xã Tân Tập đi học có một bộ đồ Py-gia-ma có sợi dây buộc ngang hông, tôi thích lắm, tôi ao ước quá sức nhưng tôi biết rằng ba má tôi cũng không thể nào mua cho tôi được.

Một lần khi đi học về, đang bước vô nhà thì từ đằng sau, không biết đứa bạn nào, đã đâm mạnh vào lưng rồi bỏ chạy. Tôi chỉ biết khóc và chạy vào nhà.

Hồi nhỏ, tôi đã nhìn thấy năm sáu người bị dẫn đi, hai chân bị trói bằng sợi dây, được nói lỏng một chút để có thể đi chậm được, nhưng không thể chạy, hai tay bị trói ra đằng sau, đi chân đất. Phía trước ngực và phía sau lưng mang tấm bảng đen, viết phấn trắng hai chữ “Việt Minh”. Khi lính dẫn đoàn người này qua khỏi nhà tôi một lúc, quẹo trái, đi về hướng đông là xã Phước Vĩnh Đông và nghe một loạt súng nổ. Tôi biết là họ đã bị bắn rồi.

Sau khi hiệp định Geneve được ký kết vào ngày 20 tháng 7 năm 1954, hy vọng sau hai năm sẽ thống nhất đất nước. Nhưng thực tế không phải như vậy mà chiến tranh triền miên mãi cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, đất nước mới thống nhất nhưng dưới bạo lực không phải do bầu cử. Hàng trăm ngàn người đi tù, bị đày đọa trong các trại tù nơi rừng thiêng nước độc nhiều năm ở Lào Cai, Sơn La, Vĩnh Phú hay ở Thanh Hoá, Nghệ An hay các nhà tù ở miền Nam. Hàng triệu người bỏ nước ra đi bằng mọi cách, mọi phương tiện bằng đường hàng không, đường biển hoặc đường bộ.

Họ ra đi trên những chiếc thuyền mỏng manh chịu đói khát, chịu cướp bóc, bị hãm hiếp bởi hải tặc hay bị bảo tố, chết chóc ngoài biển khơi hay trong rừng rậm. Đi đường bộ qua Campuchia để từ đó vượt qua Thái Lan.

* * *

Hiệp định Geneve ấn định ngày đình chiến là ngày 20 tháng 07 năm 1954. Tất cả học sinh đều nghỉ học. Không có ai đi lại vì sợ lộn xộn. Riêng tôi và em chú bác là Phùng Văn Thành vì còn nhỏ chưa hiểu cũng như chưa đoán được việc gì sẽ xảy ra. Vì chưa hiểu biết nhiều, nên trong ngày đó cùng nhau lấy hai

8 Hồi Ký

chiếc xe đạp, đi qua Long Phụng, qua đò Thủ bộ, đến trường tư thục Tân Thành ở Chợ Trạm.

Đêm hôm trước ngày đình chiến, Việt Minh (Cộng sản) đã tổ chức các nhà có cảm tình với Việt Minh đánh thùng thiếc để uy hiếp tinh thần của những người quốc gia. Do đó sáng hôm sau là ngày 20 tháng 7, các trường học đều tự động đóng cửa, dân chúng cũng ít đi ra đường vì sợ rủi ro.

Hôm đó tôi và em chú bác là Phùng Văn Thành đến trường Tân Thành ở chợ Trạm, trường đóng cửa, thay vì đi về nhà bằng ngả chợ Trạm, tôi lại đi lên Quận Cần Giuộc, rồi mới đi qua ngả Tân Thành để về nhà. Trên đường đi từ Chợ Trạm lên quận lỵ Cần Giuộc, tôi không thấy có xe cộ nào đi qua lại. Đi được giữa đường, tôi thấy cờ đỏ sao vàng ở dưới ruộng hoặc cạnh đường đi, tôi đã lấy cờ đỏ sao vàng bỏ vào cặp của mình. Tôi chưa biết gì về lá cờ này. Nhưng khi đi về tới gần quận lỵ Cần Giuộc, Thành, con chú Út bảo tôi bỏ hết mấy lá cờ đỏ ra ngoài cặp đi. Tôi không dám giữ nữa và quăng xuống ruộng.

Quả nhiên khi vô quận lỵ, đi qua hàng rào kẽm gai mà chánh phủ quốc gia đã kéo ngang đường, chỉ chừa một khoảng nhỏ đủ cho một người đi qua, tôi bị chặn lại và bị xét cặp học sinh của tôi. Nếu không vất lá cờ đỏ đi, mà mang vào quận lỵ Cần Giuộc, tôi cũng không biết cái gì đã xảy ra cho tôi? Tôi sẽ bị tra hỏi có phải là người của Việt Minh không? Tại sao tôi có cờ Việt Minh trong cặp? Tôi sẽ bị bắt để điều tra?

* * *

Tôi đi học từ Chợ Núi lên Cần Giuộc bằng xe Lam ba bánh. Trước năm 1954, muốn đi từ Chợ Núi lên Cần Giuộc phải đi bằng xe ngựa. Nhưng từ năm 1955, xe Lam bắt đầu nhập vào nước ta, một vài người bắt đầu mua xe Lam để đưa hành khách thay thế xe ngựa. Xe ngựa có bánh bằng sắt nên dễ làm cho đường lộ đá đỏ bị hư, dễ tạo thành các vũng nước, vũng sinh, lún đường. Xe lam chạy bằng bánh cao su nên đường ít bị hư

hơn. Từ khi đậu vào lớp đệ thất (lớp sáu), trường Trung Học Cần Giuộc, mỗi ngày tôi đều thức dậy sớm, ăn cơm với đậu phụng rang rồi đón xe đi lên quận lỵ Cần giuộc học. Tôi phải qua đò Tân Thanh. Hằng ngày, sáng sớm, nhiều người muốn qua đò. Chủ đò muốn chở nhiều người để có lợi hơn, nên hành khách thường chen lấn nhau để qua đò, có lần tôi bị chen lấn rớt xuống sông áo quần, sách vở bị ướt hết.

Khoảng cuối năm 1957, đầu năm 1958, một buổi sáng sớm, trời còn mờ mờ tối, tôi đón xe lam lên Cần Giuộc để đi học, tôi ngồi ở phía trước của xe lam. Khi xe chạy qua cầu "Rạch đập", tài xế vừa pha đèn để thấy đường mà chạy xe, tôi thấy một cái đầu của một người để trên cái trụ bằng xi măng của đập. Tôi hết sức sợ. Không biết ai đã giết người này, sao lại để trên trụ cột như thế. Mọi người đều rất sợ. Bắt đầu có khủng bố ở nông thôn. Sau này tôi được biết người bị giết chỉ là trưởng ấp. Mặt Trận Giải phóng Miền Nam (Cộng sản), đã ám sát, khủng bố, giết chóc các viên chức xã ấp để gây hoang mang, gây nỗi sợ hãi trong dân chúng.

Về quê, làng Tân Tập ăn giỗ, tôi nhớ bà con dùng lưới để bắt cá đoi. Giăng tám lưới, hai người cầm hai đầu, kéo lưới căng ra giữa ruộng. Phía bên kia ruộng một người cầm cái chổi hay cành cây đập xuống nước, từ từ đuổi cá đến cái lưới, vậy mà cá đoi dính vào lưới khá nhiều. Bắt còng cũng là cái thú. Khi xuống ruộng, mang theo bên hông một cái giỏ bằng tre, phía trên miệng nhỏ hơn, rộng chừng nắm tay, có nắp đập để khi bỏ còng vào, con còng không thể nào bò ngược lên được. Khi đi bắt còng, chân thụt xuống đất trước các lỗ nhỏ bằng đầu đũa ăn cơm, nếu có còng, nó sẽ chạy lên, dùng tay khéo léo cầm ngang hông nó rồi bỏ vào giỏ.

Khi tôi lên lớp đệ lục, đệ ngũ, tôi học Pháp văn, Việt văn với thầy Trần Văn Quới còn gọi là ông Đốc Quới. Thầy Trần Văn Quới cũng là Hiệu Trưởng đầu tiên của trường Trung học Cần Giuộc. Trường thành lập năm 1955. Tôi thi đậu tiểu học năm 1954 vì chưa có trường Trung học công lập, nên phải qua Chợ 10 Hồi Ký

Trạm học trường tư thục Tấn Thành do ông Nguyễn Tấn Thành sáng lập và cũng là Hiệu Trưởng. Sau này ông Nguyễn Tấn Thành là Dân biểu Đệ Nhất Cộng Hoà, thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trong thời gian học ở trường Tấn Thành tôi đi học chung với Phùng Văn Thành, ở nhà gọi là hai Hưởng. Trước khi về hưu, hai Hưởng là Giám đốc nhà máy bao bì ở Hà Tiên.

Khi hai Hưởng đậu bằng tiểu học, Chú Út tôi không có tiền để cho đi học tiếp lên trung học. Chú Út tôi dự định cho hai Hưởng về Tân Tập làm ruộng. Ba tôi thấy thế mới gọi hai Hưởng ra Chợ Núi, ở nhà ba má tôi để tiếp tục đi học. Hai Hưởng cùng với tôi đi học ở trường Tấn Thành bằng xe đạp. Sau một năm học ở trường Tấn Thành, tôi thi đậu vô trường trung học Cần Giuộc vào năm 1955. Hai Hưởng thi vào trường Cao Thắng, dạy nghề ở Sài gòn. Hai Hưởng đang học lớp 11 tại trường này, nhà nước cần học sinh đi du học ở Pháp về ngành xi măng để lập nhà máy xi măng ở Hà Tiên và Thủ Đức. Tìm người có Tú Tài hai, biết về máy móc không có, nên đành phải lấy trình độ lớp 11. Sau khi đi tu nghiệp gần hai năm hai Hưởng về làm ở nhà máy xi măng ở Thủ Đức hoặc nhà máy xi măng ở Hà Tiên tùy nhu cầu.

Xin nói qua về địa danh chùa Linh Sơn, bài viết của ông Trần Văn Trí, năm 1974.

Sơ lược tiểu sử chùa “Linh Sơn”.

Tục truyền gò núi đất trước kia do người Miên cư trú, họ vốn là một dân tộc sùng tín đạo Phật nên chỗ nào cũng có chùa và thường cất trên những chỗ đất cao. Do đó họ phải tạo nên một hòn núi nhỏ để cất chùa. Phong cảnh chùa rất nên thơ xinh đẹp với những cây cổ thụ hàng trăm năm, những cây me với trái sai, quần nhánh, lá xanh tươi, mát rười rượi. Dưới chân núi có con rạch chạy bao quanh như con rồng ôm theo vòng núi đất. Chân núi cây cối sâm uất, vườn tược sum sê, thật là

son thủy hữu tình. Đó là thắng cảnh và địa danh của quận Cần Giuộc.

Nguyên khởi của ngôi chùa.

Trước năm 1867 vùng đất này của người Miên thuộc Thủy Chơn Lạp, xưa kia ông bà chúng ta lấn và chiếm đất họ. Họ bèn bỏ chạy và ngôi chùa của họ cũng hư hại luôn.

Đến năm 1867 (Đinh Mão) có **Thầy Nguyễn Quới** tự lập am, cất một cái chùa sơ sài bằng cây vách lá để tu luyện. Thầy không ăn cơm mà chỉ ăn rau hoặc đậu nên gọi là Thầy rau.

Nhị tổ kế truyền: Khi Thầy Quới viên tịch, ông sư Hiền về kế tiếp giữ chùa lo việc hương khói. Vì dân cư còn hiếm hoi, chùa chưa được mở mang gì nhiều.

Tam tổ kế vị: (1870) Ông sư Hiền viên tịch, Tổ Minh nghĩa kế tự bắt đầu có phát triển hành đạo, chùa có người lui tới, làng xã đến chiêm bái và cúng dường chút ít. Tổ Minh Nghĩa hành trì ít lâu rồi thị tịch.

Tứ tổ kế vị: (1873) Đến Tổ Như Đức (người Bình Định) thay Tổ Minh Nghĩa trụ trì công việc hoằng dương Phật sự lúc bấy giờ còn quá khiếm khuyết. Dân chúng mãi lo khẩn hoang, đạo pháp chưa có cơ duyên phát triển. Hành đạo một thời gian thì Tổ Như Đức tịch.

Ngũ Tổ kế vị: (1876) Khi Tổ Như Đức viên tịch rồi thì chùa không ai coi, chỉ còn lại một đạo đồng sáu tuổi tên là Lê Văn Đuôi, gọi là Trùng Huệ, Pháp Hiệu Quảng Trí giữ chùa. Đạo đồng Quảng Trí có lẽ có cơ duyên với đạo pháp nên ban ngày giữ chùa và vào xóm xin ăn, ban đêm không dám ngủ tại chùa phải tìm nhà đồng bào xin ngủ trọ. Khi được 8 tuổi, bần đạo mới đem gởi đi học đạo tại chùa Như Đức (trước gọi là Trúc Lâm) nay thuộc quận Tân Bình, tỉnh Gia Định. Đến năm 12 Hồi Ký

18 tuổi, Quảng Trí được hương chức và bổn đạo thỉnh về trụ trì. Ông mở mang đạo mạnh, làm ruộng, lập vườn, nuôi tăng chúng. Chùa bắt đầu phát triển đạo pháp, bổn đạo lui tới chùa rất đông và phát triển đến nay.

Lục Tổ kể vị: Sư Trùng Huệ trụ trì đến năm 1942 thì viên tịch nhập cõi niết bàn, chùa được giao cho đệ tử là Thích Trùng Lễ. Thích Trùng Lễ tục danh là Lê Văn Thượng từ năm 1942 đến năm 1944 thì viên tịch.

Thất tổ kể vị: Hoà Thượng Thích Thiện Lợi, tục danh Lê Văn Giáp tiếp tục lo việc Phật sự từ năm 1944 đến nay.

Lãnh trách nhiệm từ 30 tuổi vào thời kỳ khói lửa đao binh bùng cháy trên mảnh đất quê hương, Hoà Thượng chịu đựng nhiều gian khổ cho chùa. Ba mươi năm trụ trì là ba mươi năm chiến tranh bom đạn cày nát quê hương, làng mạc, nhân dân điêu đứng, tản cư chạy giặc, luôn luôn sống trong hồi hộp, lo âu. Tuy nhiên Hoà Thượng vẫn kiên gan ở lại giữ ngôi chùa. Thôn xóm quanh chùa đã bị đổ nát vì bom đạn rơi rớt, thế nhưng nhờ oai linh chư Thiên, Phật Tổ chùa vẫn còn toàn vẹn không bị ảnh hưởng chi hết.

Kết luận: Nói chung ngôi chùa còn đến hôm nay là nhờ hồn thiêng đất nước, nhờ oai linh của địa phương thành hoàng bổn cảnh phò trợ bá tánh nhân dân xã đóng góp giữ gìn mới được viên thành như ngày hôm nay.

Soạn năm 1974

Ông Trần Văn Trí, Hiệu Trưởng THCS Rạch Núi kiêm UVVHGDTN xã Đông Thạnh

(bài này trích từ Bản tin đồng hương Cần Giuộc, Xuân Bính Tý 1996).

Tôi có học thầy Nguyễn Tuấn Kiệt, Hiệu trưởng kiêm dạy lớp nhất trường tiểu học Rạch Núi. Thầy Kiệt thay thế ông Hiệu Trưởng Nguyễn Văn Chắc. Trong thời gian thầy Kiệt làm Hiệu Trưởng là năm tôi thi đậu bằng tiểu học 1954, hiệp định Genève ra đời, chia đôi đất nước Việt Nam. Lúc đó tôi còn quá nhỏ để hiểu biết về chính trị, nhưng tin tức dồn dập về đình chiến giữa Pháp và Việt Minh cũng ảnh hưởng phần nào đến tâm hồn còn non nớt của tôi. Tin tức đó cũng làm cho tôi quan tâm một chút về tình hình chính trị, về tình hình đất nước Việt Nam. Năm đó tôi thi vào trường Petrus Trương Vĩnh Ký làm bài luận văn nói về sự đoàn kết. Tựa đề bài thi “một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao” hay “Đoàn kết thì sống chia rẽ thì chết”. Tôi không hiểu sao lúc đó tôi có cảm tình với kháng chiến cho nên không thích ông Ngô Đình Diệm. Ông Ngô Đình Diệm vừa về nước chấp chính làm Thủ Tướng. Tôi làm bài luận văn viết nếu Hòa Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài hợp lại đoàn kết thực sự đánh lại ông Diệm thì ông Diệm không thể nào chống đỡ nổi. Dĩ nhiên kỳ thi này tôi đã không đậu vào trường Trương Vĩnh Ký. Không biết có phải do bài làm này hay không?

Năm 1955 là năm đầu tiên khai giảng lớp đệ thất của trường Trung học Cần Giuộc. Năm 1955 cũng là năm tôi thi đậu vào trường này. Tôi học trường này từ năm 1955 đến năm 1959. Sau khi đậu trung học Đệ nhất cấp, tôi tiếp tục lên lớp đệ tam (lớp 10), học ở trường Chu Văn An nằm phía sau trường trung học Trương Vĩnh Ký.

Trong thời gian tôi học tại trường Trung Học Cần giuộc, giờ Việt văn của Thầy Trần Văn Quới luôn luôn nói đến lòng yêu nước như khi dạy về Nguyễn Đình Chiểu thì Thầy nhắc đến “chùa ông Ngô” và “Trận giặc mù u”.

Theo lời của Thầy Trần Văn Quý kể lại “Trận giặc mù u” như sau:

Nghĩa quân kháng Pháp thời đó dưới quyền chỉ huy của Ông Trương Công Định, đâu có súng ống, chỉ dùng dao mác mà thôi? Từ quận lỵ Cần Giuộc lính Pháp đi tuần vào xã Mỹ Lộc. Nghĩa quân phục kích lính Pháp tại chùa ông Ngô. Chùa này ở vị thế cao hơn đất bằng cho nên nghĩa quân dùng trái mù u là loại trái hình tròn như trái banh boong nhỏ, rải lên trên triền dốc. Nghĩa quân đi chân không. Trong khi lính Pháp đi giày. Nghĩa quân đứng trên cao. Quân Pháp phải trèo lên để đánh nghĩa quân, nhưng vì đi giày nên đạp trái mù u mà té, không chạy lên cao được. Nghĩa quân đi chân đất chạy xuống giết nhiều lính Pháp. Trong trận đánh này, nghĩa quân Việt Nam lần đầu tiên đã thắng Pháp.

Sau năm 1862, khi triều đình nhà Nguyễn đầu hàng Pháp, ký hoà ước với Pháp, cắt ba tỉnh miền Đông Nam phần cho Pháp, (nghĩa quân đã tự động nổi lên chống Pháp).

Sau khi tôi thi đậu Trung Học Đệ nhất cấp, vì ở quận Cần Giuộc không có lớp đệ tam (lớp 10), nên Thầy Đinh Văn Lô liên lạc với trường Chu Văn An là trường của người Bắc từ Hà nội di cư vào Nam. Chúng tôi là dân Nam kỳ mà lại vào học trường Chu Văn An. Thầy Đinh Văn Lô là người miền Bắc, xin các nơi khác không được vì không có chỗ, chỉ còn có trường Chu Văn An nhận mà thôi. Không biết có phải nhờ thầy Đinh Văn Lô quen biết Hiệu Trưởng trường này không? nhờ đó chúng tôi được nhận. Hiệu trưởng trường Chu Văn An lúc bấy giờ là thầy Trần Văn Việt. Tổng Giám Thị là Nguyễn Hữu Lãng chúng tôi thường gọi là Tổng Lãng. Giám học là Nguyễn Văn Kỹ Cương.

Nhờ học được trường nổi tiếng này nên đa số chúng tôi đi thi Tú Tài hai đều đậu gần hết. Chỉ có một số ít học sinh thi rớt

Phùng Văn Phụng 15

Tú Tài hai mà thôi. Lớp Đệ Tam và Đệ Nhị học ở phía sau trường Trương Vĩnh Ký. Lớp Đệ Nhứt chúng tôi học ở khu trường mới gần nhà thờ ngà sáu. Những giáo sư chúng tôi học đều dạy giỏi, rất nổi tiếng thời bấy giờ như Toán có giáo sư Đào Văn Dương, Nguyễn Văn Kỹ Cương, Lý Hóa Trương Đình Ngũ, Lê Văn Lâm, Triết Nguyễn Sa Trần Bích Lan, Trần Văn Hiến Minh, Sử Vũ Khắc Khoan...

Giáo sư Trương Đình Ngũ đi dạy học bằng xe hơi có tài xế đội kết trắng lái. Khi tới trường, tài xế bước ra phía sau, mở cửa xe cho Thầy xuống. Hồi đó rất ít người có xe hơi. Đa số giáo sư đi xe gắn máy hay đi xe đạp. Giáo sư Vũ Khắc Khoan đi dạy bằng xe taxi.

Tôi thuộc thành phần học giỏi của trường Trung học Cần Giuộc vậy mà khi chuyển trường, vào học tại trường Chu Văn An tôi không còn đứng nhất nhì của lớp học được nữa.

Tôi thi vào trường Đại học Sư phạm ban Lý Hoá không đậu nổi. Thi vào Kỹ sư Phú Thọ, Quốc Gia Hành Chánh cũng không đậu. Muốn học Y khoa, ba tôi nói không đủ khả năng nuôi tôi học thêm nữa vì tôi có nhiều em (4 đứa) và còn các con dì sáu, bà vợ sau của ba tôi nữa, cũng bốn đứa em còn nhỏ.

Ba tôi bảo tôi nộp đơn vào học Cán sự y tế không phải thi vì có Tú Tài hai. Tôi có đến bệnh viện Chợ Rẫy lấy đơn vì trường Cán Sự Y Tế ở trong khuôn viên bệnh viện này. Nhưng tôi không có nộp vì tôi không thích ngành này hơn nữa nó chỉ là ngành trung cấp mà thôi. Túng quá, cần đi làm có tiền, tôi đã nộp đơn thi vào trường Sư phạm hai năm. Thi vào trường Sư phạm hai năm chỉ cần Tú tài một. Tôi đã có Tú tài hai rồi nhưng vẫn thi vì tôi cần đi làm để ba tôi không phải tốn tiền lo lắng cho tôi nữa. Tôi thi đậu vào trường Sư phạm vào năm 1963. Năm 1965 tôi ra trường Sư phạm, đổi về dạy tại trường tiểu học Phước Hòa Long, quận Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa. Trường

này do Ngô Văn Lương làm Hiệu Trưởng, trường có 5 lớp nhưng học sinh rất thưa thớt, một lớp chừng mười mấy đứa học trò mà thôi. Chiến tranh đang lan rộng khắp nơi trong quận. Ban đêm tôi ngủ ở các phòng kê bên rạp hát Quốc Thống. Lính quốc gia thường đến gác trên sân thượng của nhà lầu này. Tôi cộng sản về, ở dưới đất bắn lên. Nghĩa quân ở trên nóc lầu Quốc Thống bắn xuống. Chúng tôi ở giữa chịu trận. Trong xã Phước Hòa Long, ngay cả tại quận lỵ, lính quốc gia và cộng sản lúc nào cũng có thể đánh nhau, đụng độ với nhau. Từ đường cái đi vô trường, tôi phải qua đồn nghĩa quân. Một hôm buổi sáng sớm, tôi đi vào trường. Khi gần đến trường, trên đường đi, tôi nhìn thấy một sợi dây giăng ngang, hai đầu sợi dây cắm hai cây tre nhỏ có treo hai quả lựu đạn. Lỡ đi tới tôi phải nhắc xe đạp lên bước nhẹ nhàng, chậm rãi qua sợi dây đó mà đi vào trường. Hôm sau, tôi không dám đi con đường này nữa, tôi phải đi vòng qua xóm để vào trường.

Vào năm 1963-1965, tôi đã học hai chương trình cùng một lúc. Tôi thường trốn khỏi trường Sư phạm sang trường Đại học Luật khoa để nghe giảng. Trường luật thường có “cour” dạy cho sinh viên khoảng từ bốn năm giờ chiều trở đi, nên tôi mới có thể đi học hai trường cùng một lúc được. Bên trường Sư phạm, bà Ba, giám thị gọi tôi lên rầy, nhắc nhở, sao tôi bỏ giờ nhiều quá. Cho nên cuối năm thứ nhất ở trường Sư phạm tôi phải thi lên lớp. Nhưng rồi tôi cũng được lên năm thứ hai.

Tôi thích trường Luật vì trường Luật dạy cho tôi biết tôn trọng luật pháp, công bằng, công lý. Tôi học các Giáo sư Vũ Quốc Thúc, Vũ Quốc Thông, Nguyễn Cao Hách, Vũ Văn Mẫu, Giáo sư Nguyễn Văn Bông, năm cuối cùng có học với Giáo sư Phạm Văn Thuyết, (sau này làm cho ngân hàng thế giới). Trường Sư phạm có thầy Nguyễn Quý Bông, Doãn Quốc Sỹ v.v...

Bạn học ở Đại Học Luật Khoa Sài gòn có Nguyễn Văn Lạc, Phạm Ngọc Tòng, Nguyễn Văn Thu. (sau này Nguyễn Văn Lạc có dạy Cao Học trường Chính Trị Kinh Doanh ở thương xá Tax, Phạm Ngọc Tòng, làm biện lý ở Biên Hoà cho đến tháng 04 năm 1975)

Sau khi tôi ra trường Sư phạm Sài gòn, tôi đã đỗ được hai chứng chỉ Cử nhân Luật khoa. Trước năm 1967 Cử Nhân Luật chỉ học có ba năm mà thôi. Từ năm 1968, muốn hoàn tất Cử nhân Luật phải mất bốn năm.

Sau khi tốt nghiệp trường Sư phạm Sài gòn, tôi phải bắt thăm chọn đi các tỉnh theo nhu cầu giáo viên các nơi. Giáo sinh nào tốt nghiệp hạng cao thì bắt thăm trước. Tôi bắt thăm về tỉnh Bà Rịa. Khi về Bà Rịa lại phải bắt thăm lần nữa đi đến các trường trong xã hay trong quận của tỉnh Bà Rịa. Ngày bắt thăm để đi dạy là lúc tôi đang ôn thi Cử nhân luật năm thứ hai, kỳ hai vì kỳ một, tôi thi rớt một vấn đáp. Ba tôi phải đi Bà Rịa để xin phép tôi nghỉ thêm một thời gian nữa và bắt thăm cho tôi. Tôi được bổ nhiệm về dạy tại trường Phước Hòa Long, quận Đất Đỏ. Sau khi thi đậu xong hai chứng chỉ cử nhân tôi muốn bỏ luôn nhiệm sở để tiếp tục học cho xong cử nhân và tiến thân bằng con đường khác. Lúc đó, tôi nghĩ làm “giáo vườn, giáo lá” không hãnh diện gì. Hơn nữa thời gian đó, số người đậu Cử nhân Luật rất hiếm. Mỗi năm trường Luật chỉ có chừng trên dưới một trăm Cử nhân Luật mà thôi. Chỉ cần một năm nữa tôi sẽ tốt nghiệp Cử nhân. Lúc đó có thể làm Luật sư, tôi nghĩ nghề này được quý trọng, được kính nể trong xã hội lúc bấy giờ? Nghề bác sĩ, nghề luật sư kiếm nhiều tiền mà được xem là nghề trí thức nữa.

Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa có khi nào rời xa gia đình. Bây giờ dạy ở xã Phước Hòa Long thuộc quận Đất đỏ, cách xa Sài gòn hơn 100 cây số, tôi cảm thấy buồn bực vì mất tiện nghi của

Sài gòn mà còn phải dạy ở chỗ mà tôi nghĩ là “khi ho cò gáy” nữa.

Trong thời gian này tôi quen bà xã tôi. Một hôm, buổi sáng, trước khi đi dạy ở trường Phước Hòa Long cách quận ly chừng vài cây số. Tôi đang đứng trên lầu, bên cạnh rạp hát Quốc Thống, chỗ tôi ở trọ để đi dạy học, tôi thấy có một cô giáo còn trẻ, mặc áo dài, đội nón lá, đi guốc cao gót, vì bà xã tôi thấp người cao 1,5 m. Khuôn mặt tròn trịa. Trưa hôm đó sau khi đi dạy về, tôi lấy xe đạp, đi thẳng xuống phía gọi là “cổng dầu” hỏi thăm nhà cô giáo mới ra trường để làm quen. Không hiểu sao, lúc đó tôi dạn dĩ quá vậy. Có lẽ tôi cho rằng mình ở Sài gòn, tốt nghiệp Sư phạm, có nghề nghiệp vững chắc? Hay vì ở xa nhà tôi cần một tình cảm mới để bớt cô đơn.

Tôi dạy ở trường Phước Hòa Long cách quận ly Đất đỏ chừng hai cây số, nằm bên phải trên con đường từ Đất Đỏ đi Phước Hải. Tôi dạy tại trường này từ tháng 10 năm 1965 đến khoảng tháng 12 năm 1967, tôi đổi về làm việc tại Nha Khảo Thí, đường Nguyễn Bình Khiêm, Sài gòn. Tôi về được Nha Khảo thí là nhờ ông Hiệu trưởng trường tiểu học Phạm Thế Hiển gặp ông Giám Đốc Nha Tiểu Học xin giùm. Ông Hiệu trưởng trường Phạm Thế Hiển là cha của cô Phát mà ba tôi định hỏi cưới cho tôi. Trong thời gian tôi dạy tại trường Phước Hòa Long, tôi là trưởng phòng phiếu của quận Đất Đỏ. Đêm kiểm phiếu cho liên danh Thượng Viện và cho cuộc bầu cử Tổng Thống 1967 tôi ở trong dinh quận để kiểm phiếu bầu cử Thượng Viện và bầu cử Tổng Thống đến hơn 1, 2 giờ khuya mới về. Tôi còn nhớ, ông Lương Đình Chi là quận trưởng thời bấy giờ.

Sau bầu cử Tổng Thống và Thượng Viện, có tổ chức bầu cử Dân Biểu Hạ Viện. Tôi có ra ứng cử chức vụ Dân Biểu Hạ Nghị Viện của tỉnh Bà Rịa lúc 25 tuổi. Lúc này chỉ sống nhờ đồng lương khoảng năm ngàn đồng một tháng Chi phí tiêu xài

trả tiền phòng ngủ, tiền ăn, tiền xe về Sài Gòn, chi phí lật vật, sách báo v.v... hết chừng ba ngàn. Tôi cũng còn dư mỗi tháng khoảng hai ngàn đồng. Khi ra ứng cử tôi phải ký quỹ 10 ngàn đồng. Tôi không có sự hỗ trợ của đảng phái nào hay của nhà tài phiệt nào. Tôi đam mê chánh trị từ hồi nhỏ nên tôi tưởng là ứng cử dễ dàng. Nhưng khi vào cuộc chơi rồi mới thấy mình không có khả năng về tiền bạc, về thế lực. Không có tiền mượn người đi trao bích chương, truyền đơn. Chánh phủ chỉ in cho một số truyền đơn, mình là ứng cử viên phải đi vận động, mang truyền đơn đến từng người dân. Hơn nữa tôi cũng chỉ vừa mới đến Đất Đỏ có khoảng hai năm, không phải là dân địa phương, đang làm nghề dạy học chỉ quen biết vài người trong làng Phước Hoà Long hay làng Phước Thọ nằm ở ven quận lỵ mà thôi.

Tôi thấy không có tiền để tiếp tục tranh cử và chắc chắn tôi không thể nào thắng cử được vì không có quen biết nhiều người, hơn nữa chưa có thành tích, hoạt động gì để nhiều người biết. Tôi có đến thăm nhà văn Hồ Hữu Tường ở đường Phan Văn Trị, gần đường Nguyễn Biểu xin ý kiến. Ông Hồ Hữu Tường nói tùy anh. Ông Hồ Hữu Tường lúc đó rất nổi tiếng vì vừa được thả ra từ Côn đảo. Ông Hồ Hữu Tường theo Bình Xuyên chống lại chánh quyền Ngô Đình Diệm, bị kêu án tử hình, nhưng nhờ các nhà văn quốc tế can thiệp, nên ông được giảm án còn chung thân. Ông đang ứng cử vào Hạ Nghị Viện Việt Nam Cộng hòa. Thời đó tờ báo Sống Thân của Chu Tử, quảng cáo, vận động cho ông vì ông từ Côn đảo về nên rất nhiều người mến mộ.

Ông Hồ Hữu Tường không dán bích chương, không in truyền đơn. Báo Sống Thân của Chu Tử đã vận động cho ông gọi là “lăn cục đá Hồ Hữu Tường” vào Hạ Viện. Và quả nhiên ông đắc cử về vang khoa đầu tiên của Đệ Nhị Cộng Hoà. Tôi cũng có đến thăm Tướng Trần Văn Đôn vừa thắng cử, đang là Thượng Nghị sĩ của Thượng Viện.

Tôi thấy không thể tiếp tục tranh cử được nữa và cũng để gây tiếng vang, tôi đã đến Đại Học Văn khoa Sài Gòn, đang có biểu tình chống lại cuộc bầu cử Tổng Thống vừa qua. Tôi tuyên bố rút lui không ứng cử vào chức vụ Dân Biểu nữa, để tố cáo chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu bầu cử gian lận. Thực sự lúc đó tôi muốn rút đơn ứng cử vì không có tiền, không có đảng phái hay thế lực nào giúp. Tôi cũng muốn chánh quyền Tổng Thống Thiệu bắt giam tôi để tôi tự giải quyết vấn đề gia đình, để tôi rời nhiệm sở của tôi, mà cũng nhờ đó biết đâu sau này tôi sẽ có quá khứ “credit” ở tù để tiếp tục kỳ tới ra ứng cử nữa. Tôi chờ hoài mà không thấy bị bắt giam. Cuối cùng sau hai tháng nghỉ không lương để ra tranh cử, tôi trở lại đi dạy học ở trường Phước Hoà Long. Sau lời tuyên bố đó ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn tôi biết có người theo tôi về tới nhà tôi ở đường Phạm Thế Hiển. Có vài tờ báo thời đó có đăng tên tôi phản đối chánh quyền của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Thông qua sự việc trên, tôi mới thấy là chế độ Đệ Nhị Cộng hòa tương đối có tự do chính trị, có phần nào dân chủ hơn Đệ Nhất Cộng Hoà.

* * *

Tôi đổi về làm việc tại Nha Khảo Thí, thuộc Bộ Giáo Dục ở đường Nguyễn Bình Khiêm trước sở thú. Công việc hàng ngày là kiểm soát chứng chỉ tiểu học dựa vào danh sách tốt nghiệp có từ lâu đời còn lưu trữ ở Nha Khảo thí. Khi tôi về Sở Khảo Thí, lúc đó ông Đặng Trần Thường làm Chánh Sự Vụ. Sau đó Sở được nâng lên thành Nha Khảo Thí và ông Đặng Trần Thường thành Giám Đốc. Sau cùng là ông Nguyễn Kim Linh thay thế.

Trận Tết Mậu Thân xảy ra lúc tôi đang làm việc ở nơi đây. Hơn một tháng sau trận Mậu Thân, tôi mới đi về quận Đất Đỏ thăm bà xã tôi được.

Tháng năm, năm 1968 để kỷ niệm ngày sinh của ông Hồ Chí Minh, Cộng Sản mở cuộc tấn công lần thứ hai vào phía nam Sài Gòn. Mặt trận chính ở sau nhà tôi. Một buổi trưa tháng năm tôi đang đứng ở sau nhà, tôi thấy hai người lính Mỹ đi vào hẻm sau nhà tôi, bắt anh Năm Hoa và hỏi: “V.C.” anh Năm Hoa lắc đầu, tôi cũng nói “No, No”. Tôi bỏ đó, đóng cửa sau lại. Vừa bước ra phía trước nhà, tiếng súng nổ dồn dập từ trên các xe tăng đang dàn hàng ngang trên đường Phạm Thế Hiển. Lính Mỹ bắn vào phía nhà tôi. Xe tăng đậu tại ngã ba bắn vào đường Chánh Hưng. Đó là con đường kéo dài từ đường Phạm Thế Hiển đi vào trường Lương Văn Can. Hiện nay là đường Phạm Hùng.

Súng đại liên bắn đồng loạt vào nhà tôi và các nhà lân cận. Súng bắn vào chợ Phạm Thế Hiển. Nhiều người bị thương từ trong lộ số 8, lộ số 10 chạy ra, phất áo trắng làm dấu hiệu. Nhà tôi bị bắn nát hết các cửa sắt. Hai bức tường bằng gạch bị lủng nhiều lỗ đạn đại liên, trung liên của xe tăng. Máy bay trên trời bắn hỏa tiễn, đại liên xuống. Súng bắn liên tục, đạn nổ liên hồi. Có nhiều người bị thương vì trận đụng độ này. Tối hôm đó tôi rời khỏi nhà của tôi đến ở trọ nhà người quen.

Làm việc tại Nha Khảo Thí được hơn hai năm, tôi lại thấy chán nản vì ngày hai buổi phải ngồi ở văn phòng. Tôi muốn đổi về trường trung học Lương Văn Can để được dạy học mà lại gần nhà nữa. Trường này thành lập năm 1966 gọi là trường Trung Học Đô thị Quận 8. Hiệu trưởng là Ông Đại Bằng. Tôi gặp ông Ông Đại Bằng để xin về dạy tại trường này. Trường đang thiếu Tổng Giám Thị. Tôi đồng ý về giữ chức vụ này vì tôi muốn sớm rời khỏi Nha Khảo Thí. Tôi về làm Tổng Giám Thị trường trung học quận 8 đầu năm 1970.

Trong năm 1970 này, bến xe Lam của ba tôi có sự tranh chấp giữ hai nghiệp đoàn. Nghiệp đoàn xe Lam của ba tôi thuộc hệ

thống của Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam của ông Trần Quốc Bửu, trụ sở ở đường Lê Văn Duyệt. Ông Bảy Bích ở sát nhà tôi (người ba tôi giới thiệu lên chạy xe lam) lại thành lập ban chấp hành mới kéo theo một số người bỏ Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt nam đi qua phe của ông Đoàn Quang Minh thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt nam, trụ sở ở đường Lý Thái Tổ. Mục đích muốn gây khó khăn cho ba tôi vì lúc bấy giờ ba tôi có bốn chiếc xe lam. Ba tôi là người xin giấy phép chạy xe đầu tiên ở đường Phạm Thế Hiển, quận 8. Ba tôi có bốn chiếc xe lam đầu tiên mang số thứ tự S001 cho đến S004. Ba tôi và đa số tài xế vẫn muốn ở nghiệp đoàn cũ vì đóng tiền hàng tháng cho nghiệp đoàn ít hơn. Thế là có sự tranh chấp. Tài xế xe lam chia làm hai phe. Phe ba tôi đông hơn vì ba tôi có công trong việc xin giấy phép cho xe lam chạy trên đường này. Ba tôi nhờ anh năm Xuyên, bà con ở cùng làng Tân Tập, là Huấn Luyện Viên trưởng trường Huấn Luyện Cảnh sát đô thành Sài gòn, xin với ông Đô Trưởng lúc bấy giờ là ông Văn Văn Cửa, được đem xe lam vô thành phố. Ông Đô Trưởng chỉ chấp nhận, xe Lam tạm thời chạy ven đô là từ bến xe Cầu Nhị Thiên đường, chạy đường Phạm Thế Hiển cho đến bến Nguyễn Biểu mà thôi. Lúc đó hệ thống xe bus chạy trong các lộ trình của thành phố Sài gòn bị lỗi ã nên đã ngưng hoạt động.

Một hôm có anh tư Râu (vì anh này có râu ria sòm soàm) sáng sớm đến gõ cửa nhà tôi, đòi thanh toán ba tôi nếu đi qua nghiệp đoàn của ông Trần Quốc Bửu. Một lần khác ba tôi lại bị tư Râu đón ở trên đường Tổng Đốc Phương, bên quận 5 Chợ lớn, hăm dọa đòi thanh toán ba tôi lần nữa. Tôi còn trẻ, nóng nảy, nghe ba tôi bị tư Râu hăm dọa, tôi tức giận lắm, tôi hỏi thăm tin tức về Đoàn Quang Minh. Tôi biết vợ đương sự vừa mới mất, có bốn đứa con còn nhỏ. Tôi vào trường Lương Văn Can, gọi điện thoại qua Tổng Liên Đoàn Lao động Việt nam, gắp một thư ký bên đó. Tôi nói tôi cần nói chuyện với Đoàn Quang Minh. Đầu dây bên kia trả lời:

- “Ông Minh đi vắng, không có ở đây”

Tôi tự nhiên buộc miệng nói:

“Anh về nói lại với Đoàn Quang Minh, hắn còn mấy đứa con cần phải nuôi, nếu hãm hại ba tôi coi chừng đó”.

Tôi có ý “hù” Đoàn Quang Minh mà thôi chứ lúc đó tôi chỉ là thầy giáo đâu có quen ai có thể lực hay có lực lượng gì trong tay đâu? Vậy mà từ đó ba tôi cũng không còn bị hãm dọa nữa. Tôi “liều mạng” hù Đoàn Quang Minh vì tôi quá tức giận, tại sao có người lại ăn hiếp ba tôi như vậy. Sau cú điện thoại “hù” đó, suốt mấy tháng trời, đi đâu tôi cũng phập phồng, lo lắng, ngó trước, dòm sau coi có ai theo dõi tôi, hãm hại tôi hay không?

Vài tháng sau xảy ra một trận đánh nhau giữa hai phe, phe Trần Quốc Bửu gọi là phe “nhà kiếng”, (vì mặt tiền trụ sở của Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam ở đường Lê Văn Duyệt làm bằng kiếng) và phe Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam của Đoàn Quang Minh. Hai phe đánh nhau kịch liệt ở góc đường Nguyễn Biểu và Cao Đạt. Phe “nhà kiếng” đem số tài xế nhiều hơn dùng gậy gộc, cây sắt, búa đến đánh lộn với các tài xế phe Đoàn Quang Minh. Tai nạn lớn xảy ra, một tài xế phe Đoàn Quang Minh chết.

Tôi có viết bức thư chỉ trích Đoàn Quang Minh gửi đăng trên một số báo. Bài viết của tôi có tính cách nặng lời chỉ trích đương sự cho nên Đoàn Quang Minh thưa tôi ra toà. Tôi phải tốn hết mười ngàn thời đó (gần hai tháng lương của tôi) nhờ luật sư bạn là Trác Quan Trường biện hộ, cãi giùm cho tôi. Tôi bị phạt vạ về tội phỉ báng trên báo chí. Đoàn Quang Minh thưa tôi cùng ông Trần Quốc Bửu, nhưng hôm ra toà, tôi không thấy có ông Trần Quốc Bửu đâu?

Trước đó, ông Trần Quốc Bửu có kêu tôi lên để trấn an tôi. Khi đến gặp ông Trần Quốc Bửu, tôi phải vào văn phòng ở dưới đất, có hai cận vệ đứng gác. Người thư ký dẫn tôi lên phòng làm việc ở lầu trên, tôi gặp hai cận vệ khác nữa đứng phía ngoài. Một cận vệ dẫn tôi vào. Cảm giác đầu tiên tôi thấy sao con người già cả, chậm chạp này lại lãnh đạo được Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt nam, có hàng triệu đoàn viên trong rất nhiều ngành nghề như công nhân khuân vác bến tàu, công nhân đồn điền cao su, nghiệp đoàn xe lam, xe tải, xe khách, nghiệp đoàn nông dân... Ông Trần Quốc Bửu lúc đó đã lớn tuổi nói chuyện chậm rãi, từ tốn, tôi không thấy có gì nhanh nhẹn, tháo vát của thanh niên, của người lãnh đạo, vậy mà ông đã chỉ huy hệ thống nghiệp đoàn chằng chịt như thế với đa số là thành phần ít học và sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp về quyền lợi. Tôi ngạc nhiên vô cùng. Sau này tôi mới biết ông Trần Quốc Bửu là bạn với ông Ngô Đình Nhu đã từng hoạt động cách mạng thế hệ trước năm 1945.

Từ cuộc đụng độ đánh nhau giữa hai bên có chết người đó, phe của Cựu Bảy Bích đã không còn hoạt động nữa và phe của ba tôi thắng thế. Ban điều hành mới theo “nhà kiếng” làm việc với sự cố vấn của ba tôi.

Tôi làm Tổng Giám Thị một thời gian, tôi thấy không thích hợp. Tôi muốn ra dạy học để có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn. Tôi nghĩ rằng vai trò Tổng Giám Thị không gây cảm tình của học sinh để lấy phiếu bầu của bà con, của cha mẹ học sinh nếu sau này tôi ra ứng cử Nghị viên Hội đồng Đô thành Sài gòn. Đây là ý nghĩ sai lầm lúc bấy giờ?

Năm 1969 tôi có gia nhập Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, Giáo sư Nguyễn Văn Bông làm Chủ Tịch, Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy làm Tổng thư Ký. Tôi có học Giáo sư Nguyễn Văn Bông năm thứ ba, năm chót, ở trường Đại học Luật khoa Sài

gòn, môn Luật Hiến pháp và Chính Trị Học. Tôi có học Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy ở trường Chính trị Kinh Doanh, ban Cao học, ở thương xá Tax năm 1973-1974.

Năm 1974 tôi ra tranh cử Nghị Viên Hội Đồng Đô Thành thuộc quận 7 và quận 8. Kết quả sau khi kiểm phiếu, Bác sĩ Trang Sĩ Nam, em của Trang Sĩ Tấn, (Ông Trang Sĩ Tấn là Giám đốc Nha Cảnh sát quốc gia đô thành Sài gòn), về nhất. Dương Văn Long cựu giáo sư trường Lương Văn Can, thuộc phe đối lập về nhì, Thiệu Tá Nguyễn Văn Thiện về ba. Cựu nghị viên Nguyễn Văn Nam về bốn, tôi về năm. Một cuộc tranh cử rất hứng thú mặc dầu tôi đã thất cử tốn tiền gần 800 ngàn. Lúc bấy giờ, lương của tôi khoảng 30 ngàn một tháng. Tốn tiền cho cuộc vận động tranh cử này gần bằng ba năm lương (không tiêu xài) của tôi. Qua cuộc bầu cử này, tôi mới thấy không phải chỉ có uy tín mà thắng cử được. Cần thế lực và tiền bạc nữa. Dầu tôi thất bại, nhưng nhờ sự tranh cử này, tôi mới cảm thấy được tình cảm yêu thương của học trò dành cho tôi. Nhiều cựu học sinh như Lê Thành Trung (đã mất), Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Phi Phúc, Nguyễn Thiện Giang v.v... đã giúp tôi nửa tháng trời vận động tranh cử, dán bích chương, trao truyền đơn đến những người dân ở hai quận 7 và quận 8. Tôi cũng được giúp đỡ của nhiều tài xế xe lam đã bỏ công, bỏ tiền túi, đổ xăng chở gần hai chục em học sinh mỗi ngày đi vận động cho tôi. Trong thời gian nửa tháng đi vận động, mỗi sáng, sau khi ăn bánh mì hay ăn cơm xong, hai ba chiếc xe lam đến nhà tôi để chở các em đi qua Xóm Củi, đi đến Phường Rạch Ông, phường Bình An, phường Hưng Phú hay qua quận bảy để dán bích chương và đi len lỏi vào các con hẻm ngoằn ngoèo để đưa truyền đơn đến tận nhà người dân để vận động cho ông thầy. Bà xã tôi đang có bầu cháu Hoàng Yên cũng mang cái bầu đi vận động cho tôi. Trong ngày bỏ phiếu tôi đi các nơi để xem xét cuộc bầu cử có ai gian lận gì không? Tôi có một số quan sát viên ở các phòng phiếu nhưng không đủ số người cho tất cả các phòng phiếu của hai quận vì địa bàn hai quận quá rộng và quá nhiều phòng phiếu.

Trong ngày bầu cử, buổi chiều gần hết giờ bỏ phiếu, tôi thấy rất nhiều xe cảnh sát chờ cảnh sát viên các nơi về bỏ phiếu ở trong quận 8. Tôi đã có linh cảm rằng em của Trang Sĩ Tấn là bác sĩ Trang Sĩ Nam thắng cử rồi. Vì cảnh sát các nơi về quận 8 coi như đi công tác có quyền bỏ phiếu ở nơi làm việc, nhưng họ lại bỏ phiếu theo chỉ thị của vị chỉ huy của họ. Còn phe quân đội thì bỏ phiếu cho phe quân nhân là Thiếu Tá Nguyễn Văn Thiện. Tôi chỉ có phiếu của phụ huynh học sinh mà thôi, trong khi phiếu này tôi không thể cạnh tranh với đương kim nghị viên đối lập Dương Văn Long. Nghị viên Long đã là nghị viên khá nổi tiếng ở nghị trường, có sự hỗ trợ tích cực của phe dân biểu đối lập như Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Văn Minh. Một số phụ huynh học sinh của trường Lương Văn Can cũng vận động cho Dương Văn Long vì anh là cựu giáo sư của trường này. Anh có qua Mỹ thăm con là Dương Phong ở Boston nhưng thỉnh linh bị đột quỵ “stroke” nên anh không đi đâu chơi được mà phải điều trị bệnh một thời gian. Lúc này năm (2007) anh đã khỏe hơn trước nhiều và năm nay kỷ niệm ngày thành lập trường 20 tháng 10 năm 2007, anh có đến với các cựu giáo sư và cựu học sinh trường Lương Văn Can tổ chức tại quán cà phê Nhà Việt trên đường Bông Sao của vợ chồng Trần Văn Thuận (1976) và Hương Nga (1979) để kỷ niệm 41 năm thành lập trường.

Đảng bộ đảng Tân Đại Việt thành phố Sài Gòn có triệu tập phiên họp các đảng viên do ông Đỗ Như Thân chủ tọa, để hỗ trợ chánh quyền miền Nam, bằng cách mời đồng bào đến họp để trấn an bà con, tình hình vẫn tốt đẹp, mặc dầu cộng sản đánh tới Xuân Lộc nhưng người Mỹ vẫn không bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Chánh quyền quốc gia sẽ không đầu hàng cộng sản. Tôi đến thuyết trình tại trường Xóm Củi. Sau đó hai ngày, ông Trần Văn Hương bàn giao chính quyền cho ông Dương Văn Minh theo yêu cầu của Hà nội. Hôm lễ bàn giao, mưa gió, sấm chớp, ngắt quãng nhiều lần bài diễn văn của ông Dương Văn Minh trong buổi lễ tại Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà.

Đêm 28 và đêm 29 năm 1975, giới nghiêm toàn thành phố Sài Gòn. Khi Dương Văn Minh kêu gọi binh sĩ án binh bất động chờ lệnh mới thì sáng hôm sau ông Dương Văn Minh ở dinh Độc Lập, đã ra lệnh buông súng và chờ bàn giao. Thực ra là đầu hàng. Đêm hôm đó đèn điện bị cúp. Chiều ba mươi, trên đường Phạm Thế Hiển trước nhà của tôi, khi nhìn thấy một số Cảnh sát đã chiến người cao lớn, súng ống đầy đủ, đang chạy lúp xúp rút lui vào trung tâm Sài Gòn. Phía sau những người lính Cảnh sát đã chiến này chỉ vài trăm thước là bộ đội miền Bắc, súng ống trông dài, cao hơn người vì người thì lùn tịt, cao chừng thước rưỡi, áo quần xóc xếch, chạy bộ phía sau. So sánh hai hình ảnh này, tôi không thể hiểu được tại sao người lính quốc gia khỏe mạnh, cao ráo hiên ngang, súng ống đầy đủ lại thua? Sau này tôi mới biết Việt Nam Cộng Hoà thua là vì quyết định từ Quốc Hội Mỹ không viện trợ tiếp tục cho miền Nam Việt Nam. Người Mỹ phủ tay, bỏ rơi miền Nam Việt Nam.

Thực ra, viện trợ cho Việt nam cũng như đổ vào thùng không đáy, bao nhiêu cũng không đủ vì kinh tế miền Nam khó khăn, chi tiêu cho quốc phòng quá lớn. Tình trạng tham nhũng ở cấp cao đôi khi vẫn xảy ra, báo chí miền Nam đã nói rất nhiều về việc tham nhũng này.

Sau hiệp định Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam, tinh thần quân dân miền Nam quá suy sụp, do giảm viện trợ Mỹ, sau cùng cắt đứt viện trợ luôn.

Phong trào chống tham nhũng của Linh Mục Trần Hữu Thanh ra đời, phong trào này biểu tình yêu cầu loại trừ các viên chức tham nhũng ra khỏi chánh quyền. Nhóm ký giả xuống đường biểu tình được gọi là “Ký giả ăn mày” do nhóm anh Kiên Giang Lý Thanh Cần. Nhóm Ni sư Huỳnh Liên, Nhóm bà Ngô Bá Thành, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Thượng Toạ Thích Trí Quang) đang tìm cách chống lại Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Lúc còn đi học ở trường Chính Trị Kinh Doanh tôi còn nhớ anh Trần Quang Trí cùng học trường Chính Trị Kinh Doanh với tôi, ngồi nói chuyện với chúng tôi có đề cập đến sinh viên Nguyễn Trọng Nho, khi dân chúng còn đang biểu tình, người người đông đảo đứng chật ních, từ Sở Thú kéo dài cho đến toà Đại Sứ Mỹ nằm trên Đại Lộ Thống Nhất. Nguyễn Trọng Nho tự nhiên bắt loa kêu gọi đoàn biểu tình kéo về bồn binh Sài Gòn để bảo vệ tượng Quách thị Trang? Anh Trí nói: “Nguyễn Trọng Nho chủ ý giải tán bớt đoàn biểu tình đông đảo?”. Do Tướng Nguyễn Khánh muốn Nguyễn Trọng Nho làm chăng? (chỉ là đoán chừng, giả thuyết mà thôi). Hiện nay Nguyễn Trọng Nho đang là chánh án ở quận Cam, tiểu bang Cali.

Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975

Chuyện Đồi Đồi: Trình Diện Đi Từ

Trước năm 1975, tôi là giáo sư trường Trung học Lương Văn Can, quận 8 Sài Gòn. Sau năm 1975, tôi bị đi cải tạo gần 8 năm. Chỉ là một giáo chức, không thuộc diện sĩ quan phải trình diện, vậy mà cũng vô trại Long Thành, Thủ Đức, rồi Lào Cai, Vĩnh Phú và Hà Nam Ninh ngoài Bắc.

Thực sự, thì trước năm 1975, khi giáo sư Nguyễn Ngọc Huy làm phó chủ tịch Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến và Chủ tịch đảng Tân Đại Việt, tôi có tham gia đảng Tân Đại Việt của Giáo sư Huy với chức vụ phó Bí thư cấp quận.

Giữa tháng 6 năm 1975, Ủy Ban Quân Quản Thành phố Sài Gòn, ra lệnh tất cả quân, cán chính Việt Nam Cộng Hòa phải trình diện học tập cải tạo. Tôi xin ba tôi mười ba ngàn đồng, bằng nửa tháng lương công chức hạng A của tôi (là hạng có mức lương khá lúc bấy giờ) để đi trình diện tại trường Lê văn Duyệt ở Gia Định.

Theo lời kêu gọi đăng trên báo chí và đài phát thanh lúc bấy giờ, “chính phủ cách mạng” yêu cầu chúng tôi mang mũn

mền, thức ăn và tiền bạc để đóng tiền ăn trong một tháng. Trước đó, hạ sĩ quan quân đội cũ được yêu cầu đi học ba ngày rồi về làm ăn. Vậy là mọi người đều đinh ninh rằng, những người chịu trình diện, chịu đầu hàng, sẽ chỉ học tập chính trị trong vòng một tháng để hiểu biết đường lối, chính sách của chế độ mới, rồi chắc chắn sẽ được cho về làm ăn. Vì nếu không trả về sau khi học một tháng thì đóng tiền làm gì. Không lẽ nhà cầm quyền vừa thắng trận lại lường gạt kẻ bại trận sao?

Do đó, khi em tôi chở tôi đến trường nữ Trung học Lê văn Duyệt, thấy hai đầu đường có hai xe tăng chia họng súng về hai phía của đầu đường Lê văn Duyệt, tôi có cảm giác không yên, lòng xao xuyên khó tả. Sao kỳ quá vậy. Súng ống, xe tăng sắp hàng như đang chuẩn bị đánh trận.

Cũng ngày thơ như tôi, anh Trương Chí Thiện là đoàn viên Phong Trào Quốc gia Cấp Tiến và là Tổng Thư Ký của Liên Minh các đảng gồm Cấp Tiến, Công Nông... không nằm trong diện phải đi trình diện cải tạo. Từ cấp bậc Phó Chủ Tịch và Chủ Tịch cấp quận trở lên mới phải trình diện mà thôi. Nhưng anh Thiện làm ký giả báo Tàu, sau ngày 30 tháng 04, các báo đều bị đóng cửa, ngưng hoạt động, ở nhà cũng buồn, nên xin đi trình diện cùng với anh Trương Tấn Lộc là Chủ Tịch Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến là cựu Nghị Viên Hội Đồng Đô Thành Sài gòn. Anh Thiện không thuộc diện này nhưng cũng nhất định xin đóng tiền để được học tập, hy vọng sau khi học xong sẽ có “giấy chứng nhận” đã học tập để dễ làm ăn sau này, không còn “bị làm khó dễ”.

Anh Thiện cũng lầm tưởng chỉ đi trong một tháng mà thôi. Sau đó anh ở tù hơn 7 năm, bị bệnh lao phổi, ho ra máu trong trại và anh được về trong bệnh hoạn, tức tối vì bị lường gạt.

Ở trường Lê văn Duyệt, chúng tôi được nhà hàng Bát Đạt đem cơm tới mỗi ngày, cho nên bữa ăn nào cũng thịnh soạn,

ăn uống dư thừa, được cho ăn no và ngon nữa nên cứ nghĩ rằng nhà nước mới tử tế, chiêu đãi "trại viên" bằng thức ăn của nhà hàng sang trọng bậc nhất nhì của thành phố Sài Gòn.

Sau vài ngày làm thủ tục ghi tên đóng tiền, nộp giấy căn cước, họ phân chúng tôi thành từng đội, tạm thời ở trong các phòng học của nhà trường.

Trại Long Thành

Giữa đêm, đang ngủ ngon giấc, bỗng nhiều ánh đèn “pin” chiếu sáng vào mừng, gọi chúng tôi thức dậy gấp, thu dọn đồ đạc cho gọn nhẹ để di chuyển. Trong đầu óc anh em chúng tôi hết sức hoang mang, đi về đâu, đem ra biển Vũng Tàu thả xuống biển hay đi đâu mà lại lên xe hơi, kéo cửa xe xuống kín mít để không cho ai nhìn thấy và lại đi lúc nửa đêm. Tới gần sáng, chúng tôi được chở vô làng cô nhi Long Thành. Chúng tôi được phân vào dãy bên trái của làng cô nhi. Khu vực này dành cho anh chị em đảng phái chính trị.

Họ phân ra 4 khối: khối một là khu dành cho các viên chức hành chánh từ cấp Chánh Sự Vụ trở lên, các Dân Biểu, Nghị sĩ của Việt Nam Cộng Hoà. Khối hai dành cho những người hoạt động trong đảng phái chính trị chống cộng. Khối ba là khối Tình báo, đa số làm trong Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình báo. Khối bốn là các viên chức trong ngành Cảnh Sát quốc gia.

Chúng tôi, hoạt động đảng phái được xếp vào khối hai, ở dãy nhà bên tay trái của trại, phân ra nhiều đội. Trong số những viên chức lãnh đạo, tôi nhớ lúc bấy giờ có Luật sư Trần Văn Tuyên, Ông Vũ Hồng Khanh, Cựu Nghị Sĩ Trần Trung Dung. Trong đội tôi có Nguyễn Ngọc Minh, anh có 6 người con, là Chủ Tịch đảng Tân Đại Việt quận 5, chủ nhà in. Anh nói với

tôi là anh còn 40 triệu ở ngân hàng cho nên anh làm kế hoạch nuôi heo gửi lên cán bộ đề hy vọng lấy được số tiền này ra. Đó là hy vọng của anh. Anh đang ở trong tù mà vẫn còn thơ ngây, tin tưởng họ sẽ trả lại cho anh số tiền 40 triệu đồng đó. Trong khi ngoài kia, Cộng sản đang chuẩn bị đánh tư sản, cầm tù những người có tài sản mà anh lại còn hy vọng lấy được số tiền này nữa. Nhìn chung, những người quốc gia hoạt động chính trị của phía chúng tôi đa số đều ngây thơ như thế.

Trong tù tôi gặp lại giám đốc Nha Khảo Thí Nguyễn Kim Linh mà trước đây tôi có làm việc hai năm ở nha Khảo Thí. Tôi gặp lại thầy Hà Khải Hoàn, thầy dạy tôi môn Việt văn ở trường trung học Cần Giuộc năm 1957, 1958 nay là phó Giám Đốc Nha học chánh thuộc Bộ Giáo Dục.

Từ Thủ Đức đến trại Lào Cai

Cũng được gọi bắt ngờ giữa đêm tối, yêu cầu sắp xếp đồ đạc gọn gàng, hai người chung một cái còng, từ trại Long Thành chúng tôi bị đưa về giam ở nhà tù Thủ Đức. Ở đây không có cuộc đất trồng khoai. Mỗi ngày đọc báo “nhân dân” tờ báo của đảng Cộng Sản. Tuy ở gần Sài Gòn nhưng từ ngày trình diện giữa tháng 6 năm 1975 đến nay, đã hơn một năm trời, gia đình không biết chúng tôi còn sống hay đã chết và bị giam giữ ở đâu?

Tháng 12 năm 1976 chúng tôi được kêu ra sân tập họp cũng hai người cùng chung một còng số 8 lên xe chạy trên xa lộ Biên Hòa và đưa xuống bên sông Sài Gòn giữa đêm khuya, để lên tàu chuyển ra Bắc.

Lần lượt chúng tôi xuống hầm tàu còn dấu vết than đá trên nền. Khi tàu chạy, họ đóng nắp hầm tàu lại, chúng tôi bị ngập

thở và đã la hét ôm sòm, nắp hầm mới được kéo ra để chúng tôi thở.

Trong chuyến đi này bạn tôi là Lê Như Ninh, người công giáo giới thiệu cho tôi biết Đức Phụ Tá Giám Mục Sài Gòn, sau này là Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, cùng ra Bắc một chuyến với chúng tôi. Anh em đi vệ sinh bằng "sô" xách nước. Khi cái sô đầy phân và nước tiểu thì xách lên trên "boong" tàu để đổ xuống biển. Nhiều khi đang lên cầu thang bị sóng đánh, tàu nghiêng, sô nước tiểu và phân người đổ vào đầu, vào cổ, vào áo quần anh em đang ngồi ở phía dưới. Anh em nào bị dính phân, nước tiểu vào người cũng phải chịu trận như vậy trong suốt mấy ngày tàu chạy lênh đênh trên biển, chứ có được tắm rửa gì đâu?

Con tàu chở tù miền Nam đến cảng Hải Phòng vào buổi sáng mùa đông năm 1976. Trời lạnh buốt. Vài chiếc tàu nhỏ đậu ở cảng giống như một bến đò ở quận lỵ nào đó, chứ không thấy gì to lớn cả. Trời thì lạnh mà đa số anh em tù không có đủ áo quần ấm để mặc hầu có thể chống lại cái lạnh, cái rét của mùa đông miền Bắc. Năm đó có lúc lạnh tới 6 độ C, lạnh gần đông đá.

Mùa đông năm 1976, trời quá lạnh, có khi nửa tháng tôi mới dám tắm một lần. Mỗi lần xối nước lên mình, nước bốc thành hơi, khói bay lên mù mịt. Khi nói chuyện, thấy hơi nước bay ra khỏi miệng. May mắn thay tôi có mang theo cái áo mưa lớn bằng "nylon" rộng thùng thình quá đầu gối. Nhờ nó, tôi chịu đựng được cái lạnh mùa đông năm 1976 và những mùa đông kế tiếp. Cái áo mưa này tôi vá đùm, vá chụm hơn chục miếng vá, đến nỗi "cán bộ quản giáo" tức cai tù nói: "Anh không còn cái áo nào khác sao mà anh cứ mặc cái áo này vậy?". Cái áo này vá tứ tung, làm xấu hổ cán bộ cai tù chẳng? thấy sự nghèo khổ tột cùng của tôi, không có cái áo lành lặn mà mặc?. Có những anh em khác còn may bao bố để mặc khi gia đình chưa

có gói áo quần vào, trông còn tệ hơn là cái áo vá đùm vá chụp của tôi nữa.

Xuống xe tại công trại trung ương số 1 Lào Cai, chúng tôi được dẫn vào khu nhà khá sạch sẽ. Được cho ăn bữa chè nóng hổi. Một ngày sau, ngày nào cũng ăn cơm trắng, thịt cá đầy đủ. Chúng tôi có cảm tưởng ở miền Bắc, công an tử tế hơn trong Nam. Nhưng chỉ được vài ngày rồi thôi. Mỗi bữa ăn chỉ là một miếng bánh mì mỏng dính, xẹp lép chưa được nửa nắm tay. Ăn hết rồi vẫn còn thấy đói. Có khi trại phát bắp luộc, được vài ba trái. Ăn bắp trái, càng thấy đói hơn nữa vì ba trái bắp thì ăn được mấy hột. Có hôm, chúng tôi được phát bánh mì, nhưng trộn lẫn với than đá. Ăn vào đụng răng, nghe lộp cộp, không thể nhai được. Nhà bếp thu hồi lại, nấu thành cháo, phát cho một ít nước bánh mì để cầm hơi. Đói quá, không ngủ được, nhưng chúng tôi cũng phải chịu chớ có kêu ca được với ai bây giờ.

Lúc nào cán bộ cũng theo dõi chúng tôi xem chúng tôi có nói lời nào chống đối họ không? Có tìm cách trốn trại không? Vậy mà năm 1976 cũng có mấy anh trốn ra khỏi trại, nhưng đều bị bắt lại ngay hôm đó vì không thể đi xa được. Đa số những người sinh sống ở vùng này là dân tộc thiểu số. Trong trại này, khi chúng tôi đến ở, đã thấy trên các tấm ván trên các học đựng đồ linh kính ở đầu chỗ nằm, có khắc tên người Mỹ đã từng bị giam ở đây. Sau này tôi mới biết trại này cũng từng giam tù binh Mỹ. Đó là trại Trung ương số 1 Lào Cai. Đây là trại kiểu mẫu giam tù chính trị.

Trại K3 và K4 Vĩnh Phú

Tôi ở trại K3 Vĩnh Phú ròng rã bốn năm trời. Trại này có nhiều kỷ niệm với tôi hơn hết. Một người tôi không bao giờ quên tên

được, đó là đội trưởng đội hai, đội trồng bắp, trồng khoai lang, khoai mì. Sau đó, đương sự nhờ quá tích cực được cất nhắc lên làm thi đua toàn trại K3 Vĩnh Phú. Người đó là Phạm Đình Thanh.

Khi Trung Quốc chuẩn bị tấn công vào các tỉnh tiếp giáp với Việt Nam, Cộng Sản đưa chúng tôi xuôi về miền Nam. Hai bạn tù bị còng tay với nhau, đẩy lên xe bít bùng. Trong khi di chuyển, bên ngoài trời mưa to, xe lắc lư dữ dội, khi chạy có lúc tôi cảm thấy chắc là sắp sa xuống thung lũng hay xuống hố sâu. Tôi ở phía trong xe, gân tãi xê, khi xe ngã nghiêng, lôi kéo cả mấy chục người tù từ phía sau xe, chúi mũi dòn về phía trước, đè lên chúng tôi, tưởng đâu đã ngộp thở. Tôi nghĩ chắc mình sẽ chết vì ngộp thở, hay có thể chết vì xe lăn xuống hố và rồi gia đình vợ con, chẳng có ai biết được mình chết ở đâu?

Mùa hè năm 1978, tôi bị đưa về trại K3 Vĩnh Phú, nơi có đền thờ vua Hùng Vương. K3 Vĩnh Phú nằm ở giữa thung lũng, núi đồi vây phủ xung quanh. Ở đây tôi gặp Cha Khoa tự Khải, Hiệu Trưởng trường trung học Đồng Tiến, Cha Thầy ở Mỹ Tho bị bắt vì trong xe có tiền, bạc triệu lúc bấy giờ là số tiền lớn. (Lương công chức hạng A khoảng 30,000 hay 40,000 đồng một tháng). Tôi được phân chia vào đội trồng khoai lang, khoai mì. Mỗi sáng, sau khi được phát cho một củ khoai lang hay khoai mì nhỏ nhỏ, vác cuốc ra rẫy, cuốc đất, lật từ ruộng đất lên, rồi bừa cho nhuyễn để khi mưa xuống gieo hạt bắp hay đặt các dây khoai lang. Không đủ trâu để cày, nên người tù chúng tôi phải thay trâu kéo cày.

Tôi ở chung với Luật sư Lê Như Ninh, sống ở Nha Trang, ở tù vì tham gia đảng Dân Chủ, và các anh Võ văn Bé, Phùng văn Chấn, Lê Tấn Hà... nhân viên Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh báo. Trong những tháng ngày dài lê thê sống ở K3 này, công việc thường làm là cuốc đất, ngày ba bữa, ăn toàn bo bo không xay. Sau khi ăn chừng năm mười phút thì tất cả bo bo

đều được tống ra ngoài hết vì bao tử người không thể tiêu hoá bo bo không xay, bo bo còn nguyên vỏ được. Loại này dùng để cho ngựa hay trâu, bò ăn. Cho nên chúng tôi ăn bo bo được vài tháng, mọi người chỉ còn da bọc xương giống như bộ xương cách trí biết đi, những con ma đói đang cuốc đất. Mỗi lần phát cơm, phân chia cơm, mỗi người được một nắp bình thủy cơm, còn là bắp trái loại cứng ngắt, nhai không được. Tú nhân chỉ được ăn loại bắp cứng dành cho trâu bò.

Đói mờ mắt. Đói triển miên. Đói dữ dội. Đói quá có nhiều anh em ăn bất cứ thứ gì anh em nghĩ là có thể ăn được, nên anh em thường nói: “cái gì nhúc nhích thì ta ních liền”. Ra ngoài đồng gặp rau má, rau tàu bay, bất cứ thứ rau gì tù nhân đều ngắt ăn sống. Có người khi đi ra đồng làm việc, ăn rau trừ bữa, hay gom ba phần của trại phát, sáng trưa và tối, ăn một lần buổi tối cho no. Anh em tù đa số đều bị bệnh phù thũng. Mùa đông năm 1978 là mùa đông khủng khiếp nhất trong đời tù của chúng tôi. Lần đầu tiên tôi mới biết thế nào là mưa phùn, gió bắc. Ở trong Nam chỉ có mưa nắng hai mùa chứ chưa bao giờ gặp cảnh mưa gió mà còn lạnh lẽo liên tục như thế.

Tôi còn nhớ anh Quế là Giáo sư ở Quảng Nam, Đà Nẵng, là Thanh tra của Sở Giáo dục. Anh bị tù vì tham gia đảng Dân Chủ. Vì quá ốm yếu nên làm việc chậm chạp, cuốc đất không đạt “chỉ tiêu trong ngày”, bị đội trưởng cự nự. Anh có cuộc mạnh tay hơn, nhanh hơn, nhiều hơn. Tôi hôm đó vào khoảng hai ba giờ khuya, anh em nằm gần bên anh Quế hô to lên:

“Anh Quế chết rồi”.

Không ai biết anh Quế chết vì bệnh gì, nhưng chắc chắn anh đã chết vì bị thiếu ăn, bị bỏ đói lâu dài, bị kiệt sức mà thôi.

Mới mấy hôm trước trong đội tù cũng có người chết vì ăn cóc nướng ở lò rên. Có lẽ vì anh nướng vội vã, không kịp làm sạch

sẽ, nên khoảng vài giờ sau khi ăn thịt cóc, chừng nửa đêm, anh kêu đau bụng, không có thuốc và cũng không chờ đi cấp cứu kịp và hôm sau thì anh chết.

Trong thời gian này khoảng cuối năm 1978 đầu năm 1979, cứ vài ngày là có người ra đi. Anh em liên tục đóng hòm chôn cất bạn tù. Vài người tù khiêng bạn mình ra bia rừng, chôn vùi vàng vùi dập. Không có ai được phép khóc thương. Vợ con ở nhà cũng chẳng hay có một người, một tù nhân đã chết.

Ở K3 Vĩnh Phú tôi có gặp Nguyễn Minh Diệu học cùng lớp trường Trung học Cần Giuộc 1955 - 1959. Gặp Phan Tấn Ngu ở K5, gặp Dương Bồng Quảng con chủ nhà máy xay lúa ở Chợ Trạm, bạn học chung ở trường Tấn Thành, Chợ Trạm niên khóa 1954-1955.

Những tháng này là thời gian đói khát dữ dội nhất và cũng bị kèm kẹp, không chế nhiều nhất. Một lời nói than vãn hay dèm pha nhà nước, được báo cáo lên cán bộ là có thể bị cùm chân, nhốt sà lim, bớt phần ăn và nước uống, từ 14 ngày trở lên.

Một lần đang ở trong phòng nghe tiếng la thát thanh ở bên ngoài, tôi dòm qua cửa sổ phòng giam thấy 4 cán bộ đang đá một tù nhân như đá banh. Họ đá anh này từ trái sang phải, từ góc này sang góc kia, đá chán thấy mệt, họ mang anh vào phòng giam riêng.

Mùa hè năm 1982, tôi được chuyển sang K4 Vĩnh Phú và được đưa về đội 8, đội làm ruộng. Tôi được biết đây là nơi thường giam giữ những người tội nặng của miền Bắc. Vùng này có tên là Mai Côi, Thác Giồng. Đến Mai Côi, Thác Giồng này mà được trở về đời sống bình thường là chuyện hy hữu. Thông thường đã bị giam ở đây coi như sẽ chết. Mỗi buổi sáng sớm chúng tôi vác cuốc ra ruộng, lội xuống

nước sâu quá đầu gối. Ruộng này là vũng nước ao tù, là vùng tận cùng, là chỗ trũng, nước từ các con suối ở thượng nguồn trong vùng rừng núi trên cao gom về, cho nên chứa đủ tất cả các chất độc nhất, do lá rừng, vi trùng, chất thối rửa của súc vật, côn trùng qui tụ về đây. Chúng tôi làm ruộng này chừng một tháng thì rụng hết lông chân và bị sốt vàng da. Loại sốt này rất đặc biệt, ai bị bệnh này không thể đứng được, tay chân rã rời, không ăn uống gì được, nếu ăn chút cháo cũng bị ói ra hết. Mỗi khi bị bệnh, không đi đứng được, phải nhờ bạn bè cõng.

Trong đội 8 của chúng tôi quá nửa đội bị bệnh sốt vàng da. Anh Minh ở cùng đội đã phải cõng anh Đề lên trạm xá, vài ngày sau anh Đề lại cõng anh Minh lên trạm xá vì bệnh này. Tôi cũng bị bệnh này, không ăn uống được hơn một tuần lễ. Nếu không có bác sĩ Thịnh biết cách điều trị bệnh này, chắc tôi cũng như nhiều anh em tù khác đã được chôn cất ở bìa rừng thuộc thung lũng Mai Côi, Thác Giồng của tỉnh Vĩnh Phú này.

Mai Côi, Thác Giồng là địa danh mà dân miền Bắc, Hà nội rất sợ, đó là nơi “đi dễ, khó về”. Một lần trong dịp Tết ta, anh em trong trại đang nấu nướng vì được nghỉ ngơi trong mấy ngày này. Vợ một anh lính gác, áo quần vá nhiều chỗ, ẵm đứa con, đi vào bên trong trại tìm xin thuốc uống cho con. Chị này đi hỏi anh em nào có thuốc cảm hay thuốc ho để cho cháu dùng. Tôi không hiểu tại sao chị không lên trạm xá của công an. Nhưng tôi thấy chị ăn mặc áo quần vá víu như thế, chứng tỏ chị cũng nghèo quá, khổ như chúng tôi mà thôi. Chúng tôi ở tù trong, thì chị ở tù ngoài.

Tôi còn nhớ có lần đi ra ruộng, làm cỏ, trồng lúa ở Vĩnh Phú, gặp dân chúng ngoài đường, họ nói: “Tôi tưởng mấy anh sẽ giải phóng chúng tôi chứ, tôi đâu có ngờ ngày hôm nay tôi gặp các anh ở đây”.

Sau mấy năm thấy tù nhân chết quá nhiều, trại cho tổ chức nhận quà năm ký từ miền Nam, để cho vợ con của tù nuôi tù, đỡ gánh nặng nhà nước. Sau này, mới hiểu sở dĩ có vụ cho thăm nuôi là vì bắt đầu có thương thuyết với phía Mỹ về số phận tù chính trị của miền Nam. Nếu để bọn tù chết hết, đâu còn thứ gì mang ra đổi chác với Mỹ được. Do vậy, nhiều khi gia đình gọi nhiều hơn năm ký mỗi ba tháng cũng được cho thông qua vì khi có quà cấp anh em cũng có biểu cán bộ như thuốc lá, đường, bánh trái, thuốc uống trị bệnh cảm, thuốc bổ, vitamin, thuốc sốt rét...

Trại Hà Nam Ninh

Cuối năm 1982, chúng tôi được chuyển đến trại Hà nam Ninh gần Hà nội. Đây cũng là lúc diễn ra nhiều thay đổi.

Một lần khám xét đồ đạc của tù, thấy mấy cuốn sách về Lê Nin, một cán bộ coi tù nói “giờ này mà còn đọc cuốn sách này”. Từ câu nói này, tôi thấy văn hóa miền Nam đã tác dụng ngược trở ra miền Bắc.

Khi tôi còn bị giam giữ ở K3 Vĩnh Phú cán bộ cấm chúng tôi hát nhạc vàng, gọi là “nhạc ngụy”, nhạc làm cho mất nước. Nếu có ai hát nhạc vàng bị báo cáo lên thì có thể bị cùm chân, bị giam riêng. Cái nón có mũ lưỡi trai ở phía trước cũng bị chê là của Mỹ ngụy, yêu cầu cắt bớt. Đội nón từ miền nam đem ra là bị phê bình, chỉ trích. Đi dép râu thì được. Nón cối thì được. Cái gì của miền nam đều là xấu cả.

Nhưng rồi một hôm tôi được phân công nhỏ cò ở chung quanh khu nhà cán bộ ở vì lúc đó tôi bị bệnh quá không ra ngoài đồng ruộng được. Tôi nghe từ trong phòng của cán bộ đang hát nhạc vàng của miền nam. Tôi bắt đầu suy nghĩ, cấm tù nhân hát nhạc vàng mà cán bộ lại nghe nhạc vàng, hát nhạc vàng.

Như vậy văn minh, văn hoá miền nam đã ảnh hưởng ra miền Bắc, bằng chứng là nhạc vàng bị cấm hát, nhưng họ lại thích nghe, say mê những bản nhạc vàng đó.

Ở trại này, anh em bắt đầu hát “nhạc vàng” thoải mái. Ban đêm, bên ngoài buồng giam có lính gác, đi tuần kiểm soát, bên trong anh em hát “nhạc vàng” không còn bị phạt nữa. Lúc bấy giờ, tôi nhớ có thầy Hoà là Đại Đức tuyên úy Phật giáo, thuộc hàng trăm bài hát “nhạc vàng”. Thầy Hoà có thể hát liên tục vài giờ cũng không hết nhạc. Đêm nào không hát, cán bộ ở bên ngoài còn yêu cầu anh em hát “nhạc vàng” cho vui. Cán bộ cộng sản đã mê “nhạc vàng” rồi.

Văn minh, văn hóa miền Nam Việt Nam đã ảnh hưởng vào tâm tư, tình cảm của người cộng sản miền Bắc.

Sau ba mươi năm tất cả những điều gì trước đây họ chỉ trích, họ cấm đoán, họ bỏ tù ngày hôm nay họ cho thực hiện lại hết như buôn bán tự do, không còn ngăn sông cấm chợ nữa. Nhưng họ áp dụng chế độ tư bản theo luật rừng rú vì tất cả luật pháp cũ họ đều hủy bỏ mà luật lệ mới chưa thành hình. Khi chiếm miền nam xong, họ đóng cửa trường Luật, đóng cửa trường Đại học Văn khoa Sài gòn.

Sau khi thắng trận họ tưởng làm kinh tế như đánh đấm ngoài mặt trận. Bán cà phê via hè, hớt tóc via hè cũng phải vô hợp tác xã. Do đó mà toàn dân phải ăn độn bo bo, ăn gạo có nhiều bông cỏ, trước khi nấu phải mất rất nhiều thì giờ lượm bông cỏ ra.

Sự đối trá đã ăn sâu vào nhà cầm quyền lẫn dân chúng, phải lườm gạt nhau để sống. Nhà cầm quyền lườm gạt dân. Dân lườm gạt nhà cầm quyền và lườm gạt lẫn nhau. Lương tâm của con người không còn ai nhắc tới nữa.

Nếu sống đàng hoàng, mua bán đàng hoàng thì không sống nổi. Nên dân chúng phải lươn lẹo. Trong giai đoạn ngăn sông cấm chợ, muốn sống còn, phải dối trá, phải lươn lẹo, đi mua thịt lậu từ dưới quê lên để bán, mua đường, mua áo quần cũ, mua bán đồ phế thải. Chờ ít gạo từ tỉnh này sang tỉnh kia để kiếm lời. Khi đi buôn bán nếu qua mặt được công an kinh tế thì sống, nếu bị bắt thì mất vốn. Nhưng không buôn bán thì lấy gì mà sống.

Hôm nay nhà cầm quyền thông báo nói không đổi tiền, sáng hôm sau, giới nghiêm, đổi tiền làm cho nhiều người sạt nghiệp. Thông cáo kêu gọi quân nhân, công chức, sĩ quan trình diện học tập trong một tháng, nhưng giam mãi không biết ngày về, không ra tòa kêu án, ngồi bóc lịch dài dài. Mỗi ba năm anh em gọi là một “cây gậy”. Không ai biết mình sẽ phải ở mấy “cây gậy” đây? Ba năm, sáu năm, chín năm, mười hai năm ... Ở tù không biết ngày nào về với gia đình hay vĩnh viễn sống trong miền rừng núi Thanh Hóa, Nghệ An, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh ... Trung Quốc có Tân Cương. Nga xô có Tây Bá Lợi Á dành cho tù nhân vĩnh viễn định cư ở đó.

“Tù cải tạo” dành cho người miền Nam thua trận, thực sự không hy vọng có ngày trở về với gia đình, nếu những lãnh tụ cộng sản không thành linh thấy là mạng sống của đám tù này bỗng là thứ có thể thương thuyết đổi chác với phía Mỹ. Nhờ vậy mà trình trạng nhà tù bỗng thấy dễ thở hơn.

Thời gian sống tại trại Nam Hà là thời gian thoải mái nhất trong cuộc đời ở tù. Lúc này quà cáp thường xuyên gửi ra từ vợ con ở trong nam. Cán bộ đã cởi mở hơn. Họ đã nhìn thấy sĩ quan, công chức miền Nam không phải là những người ăn gan, uống máu. Họ đã hiểu phần nào về người bại trận.

Thân nhân của các tù nhân từ trong Nam gửi tiền ra cho chúng tôi, để chúng tôi mua thịt cá, trái cây. Nhiều khi cán bộ dễ dãi

để chúng tôi nấu chè, nấu cơm, nấu canh chua trong phòng giam. Họ dễ dãi cho nấu nướng là để họ bán được hàng, để họ kiếm thêm tiền. Với cái lon Guigoz chúng tôi kho thịt, nấu cơm, nấu canh v.v...thật là tiện dụng. Cần giẻ rách, một ít dầu là chúng tôi có thể đun một nồi chè ở trong phòng giam.

Mỗi sáng chúng tôi đi ra đồng làm cỏ để cấy lúa. Tôi thấy nhiều người ra đồng quá trễ. Hơn 11 giờ mới cầm cuốc, lếch thếch kéo ra đồng làm việc.

Tôi hỏi họ: “Sao các anh đi làm trễ quá vậy?”

Họ trả lời: “Đi ra sớm mà làm gì, làm cho hợp tác xã chứ có phải cho mình đâu. Làm nhiều, làm ít cũng chia chác như vậy mà thôi.”

Khi cuốc đất, họ khều khều vài lát cuốc như phủ bụi; một lát, họ đã kéo nhau về nghỉ. Tôi suy nghĩ dân miền Bắc làm việc như vậy hỏi rằng khá giả làm sao được. Vậy mà họ đã thắng miền nam. Thế mới lạ chứ.

Nếu “Trương Chi đẹp trai” đó là tựa bài viết của Dương Hùng Cường để mô tả dân miền nam nghe tiếng hát Trương Chi thì những người nhẹ dạ rất mê, rất thích nhưng trong thực tế thấy gương mặt của Trương Chi thì không còn có thể mê được nữa. Nghe Cộng Sản tuyên truyền thì đa số đều rất thích nhưng thực tế, họ làm ngược lại những điều họ nói, nên sau khi chiếm miền nam rồi thì “Nếu cái cột đèn biết đi nó cũng bỏ xứ mà đi”. Cho nên dân miền Nam không bao giờ quên được câu nói để đời của Cựu Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu: “Đừng nghe những gì Cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm”.

Ba tôi có cảm tình với Việt Minh, Cộng sản vì bạn của ba tôi

là ông tư Lê đã theo kháng chiến từ những năm 1945. Khoảng năm 1948, 1949 Việt Minh đánh đồn Chợ Núi, quận Cần Giuộc, Tư Lê có vào nhà ba tôi để trò chuyện. Ba tôi cho mượn ống quẹt để châm hút thuốc lá. Sau trận đánh đồn đó ba tôi bị ông Tổng Nhì và Pháp bắt, đánh để khai thác về Việt Minh (Cộng sản) và ba tôi đã bị bệnh nhiều, nằm điều trị ở nhà gần một năm. Từ đó ba tôi rất hận và ghét Pháp và có cảm tình với Việt Minh. Sau này, dĩ nhiên ba tôi cũng không có cảm tình với người Mỹ và quân đội quốc gia. Khi tôi ra ứng cử Nghị viên Hội đồng đô thành Sài gòn, để chuẩn bị ứng cử Dân Biểu, Nghị sĩ sau này, ba tôi đã nói: “Ăm tao ngồi chức đó tao cũng nhảy xuống” có ý nói với tôi là “bỏ tiền ra ứng cử chi cho tốn kém, mất thì giờ” mà ba tôi cũng không ưa chức vụ đó nữa.

Khi di chuyển từ K4 Vĩnh Phú qua trại Hà nam Ninh, tôi được đưa về phân trại A. Tôi gặp đủ hết các anh em cùng bị giam chung với tôi ở Long Thành như Mai Kim Đỉnh cùng học chung ban Cao Học trường Chính Trị Kinh Doanh ở thương xá Tax, Sài gòn những năm 1972-1974, Hoài Sơn Ung Ngọc Nghĩa chủ nhiệm của Ban Tuyên Huấn của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiên và của đảng Tân Đại Việt. Gặp lại một số học trò cũ bị giam ở đây vì theo nhóm kháng chiến “phục quốc”, chống Cộng sau năm 1975.

Nhóm này cũng ở tù khá lâu, bảy, tám năm hay hơn nữa nhưng khi có chương trình HO để đi định cư tại Hoa Kỳ thì những người này không được xếp vào diện HO vì họ được xem là những thành phần chống đối sau năm 1975.

Sống ở phân trại A một thời gian ngắn, họ lại tách một số chúng tôi ra, di chuyển về phân trại C của trại Hà Nam Ninh.

Không khí tù đây đã dễ thở hơn so với những thời gian trước. Khi chúng tôi có quà cáp thăm nuôi đã dứt lốt cán bộ thuốc lá, bánh kẹo, thuốc uống từ trong Nam gửi ra. Chúng tôi được

mua thức ăn do cán bộ tổ chức bán như thịt heo, thuốc lá. Ngay cả rượu chúng tôi cũng có thể mua được bằng cách liên hệ với người dân sống chung quanh trại.

Tôi đã ở tù lâu quá rồi, gần tám năm. Mang trong người đủ thứ bệnh, không chết là may mắn lắm rồi.

Sau khi ăn Tết trong trại Hà Nam Ninh chừng vài tháng, cán bộ gọi anh em tập họp lại, ngồi ngoài sân, gọi tên từng người sang ngồi một bên và yêu cầu đứng lên vào phòng thu dọn đồ đạc. Lúc đó, anh em mới biết mình sẽ được thả cho về.

Khi ra khỏi trại, tôi không muốn nhìn trở lại chỗ mà tôi đã bị giam cầm trong thời gian dài ở đó.

Xe hơi chở chúng tôi bỏ vào khu nhà ga xe lửa, chờ có chuyến đi vào trong nam. Vài người trong chúng tôi đi tìm cà phê để uống. Phở xá tiêu điều. Thành phố Hà Nội lúc bấy giờ (đầu năm 1983) là thành phố chết, không có buôn bán gì. Uống cà phê cũng phải uống chui. Đi ra nhà sau của tiệm cà phê, không có bảng hiệu gì cả, mua cà phê đen có pha ít đường cát để uống, đã là quý lắm rồi. Họ không có bán cà phê sữa vì đó là một xa xỉ phẩm.

Ngồi trên xe lửa xuôi về miền Nam, đến Quảng Ngãi chúng tôi còn mấy bộ áo quần cũ trên bảy năm, mừng mèn mang theo lúc đi trình diện vậy mà tôi bán cũng được mấy chục đồng bạc lúc đó. Với số tiền này tôi mua được tô hủ tiếu để ăn uống dọc đường.

Khi đến ga Hàng Xanh trời vừa sáng. Tôi chỉ còn đủ tiền để kêu chiếc xe xích lô chở về bến xe Phạm thế Hiển. Leo lên xe Lam chạy dọc đường Phạm thế Hiển, tôi nhìn không ra được con đường cũ mà tôi đã đi qua lại thường xuyên trước năm 1975. Bây giờ, sau gần tám năm, cảnh vật thay đổi nhiều quá.

Nhà cửa xây cất thêm lần ra lề đường. Có những nhà mới cất tôi nhìn không ra. Về tới nhà lúc nào tôi cũng không hay.

Bước vào nhà cửa mình mà thấy quá xa lạ. Có mấy đứa trẻ con ngồi học ở trong nhà mà tôi đâu có biết đứa nào là con tôi đâu. Khi tôi đi “học tập cải tạo” con út tôi mới vừa tám tháng, khi về đứa út cũng đã 8 tuổi rồi, làm sao tôi biết nó cho được. Đứa con trai 9 tuổi chạy xuống nhà sau, lúc đó bà xã tôi đang nấu cơm. Nó nói: “Má ơi có ông nào vô nhà kìa”.

Tôi vừa bước vô nhà mình, đi thẳng ra phía sau nhà, gặp bà xã đang nấu cơm, gặp cậu bảy Bích, tự nhiên nước mắt tôi trào ra. Tôi đã khóc, không thể nào cầm giữ nước mắt cho được. Người ta khóc vì buồn rầu, đau khổ. Tôi khóc vì tưởng chừng như đã chết rồi mà được sống lại. Tôi đâu có ngờ tôi còn sống để được về với gia đình sau gần 8 năm trong các trại tù khắc nghiệt ở các miền thượng du, núi rừng âm u miền bắc.

Giấy ra trại ký ngày 28 tháng 02 năm 1983, ngày tôi về tới nhà trình diện công an phường là 9 tháng 3 năm 1983 ngọt nghét còn ba tháng nữa là đủ 8 năm tù, vì cái tội duy nhất là tội tham gia đảng phái quốc gia.

Ngẫm lại, tôi thấy mình còn được ông trời thương, được sống sót về với gia đình, để cho các con của tôi có cha, cho tôi có cơ hội phụ giúp phần nào sinh kế cho gia đình vợ con. Và rồi sau cùng, có cơ hội đưa gia đình tới được nước Mỹ tự do để làm lại cuộc đời.

Xin tạ ơn Trời, cảm ơn người, và biết ơn nước Mỹ.

Ngày 26 tháng 04 năm 2015

Vietbao.com đăng ngày 28 tháng 5 năm 2015 trong trang "Viết Về Nước Mỹ)

Về với gia đình: trong nhà tù lớn hơn

Sau khi đi cải tạo về khoảng tháng ba năm 1983, tôi chỉ là một “phó thường dân” vì tôi chưa có quyền công dân, đi đâu cũng phải khai báo, phải trình diện công an hàng tuần, ghi rõ từng ngày đã làm gì, tiếp xúc với ai.

Nội cái việc trình diện công an hàng tuần như vậy cũng đủ làm cho tôi không còn sáng suốt để tính chuyện làm ăn. Mà làm ăn cái gì mới được chứ khi tôi trắng tay, không có đồng xu dính túi.

Do đó, tôi phải phụ giúp bà xã dạy học, mở lớp dạy thêm ở nhà, dạy toán tiểu học, dạy toán lớp 8, lớp 9, dạy thêm Anh văn. Nhưng trong thời gian đó dường như phụ huynh học sinh không có tiền để lo cho gia đình họ ngày hai bữa ăn, làm gì có tiền cho con học thêm. Hơn nữa học sinh không thấy hứng thú học cao vì nếu có học cao thì lương bổng nhận được hàng tháng cũng không đủ sống. Trong thời gian này, nhà cầm quyền không cho làm ăn bất cứ ngành nghề nào. Ngay cả bán cà phê còn phải bán chui nữa mà. Mọi thứ buôn bán đều phải vô Hợp Tác Xã hết.

Tôi là người cải tạo mới về, đâu được nhà cầm quyền cho đi dạy học trở lại, mà đi đâu, làm gì cũng bị dòm ngó. Người dân bình thường còn bị khó khăn trong công ăn việc làm, hưởng hòe gì tôi là người vừa về từ trại cải tạo luôn luôn bị công an theo dõi.

Tôi xoay sở để sống bằng nghề lao động chân tay.

Tôi đạp xích lô.

Anh Nguyễn Tấn Đạt, bạn tù, cũng ở chung trong trại cải tạo với tôi ở trại Tân Lập, Vĩnh Phú có chiếc xe xích lô cho mượn. Anh còn một chiếc khác để anh tự chạy. Anh cho tôi chạy thử

mà không lấy tiền mượn xe. Sáng sớm, tôi lấy bộ quần áo hơi tề một chút. Áo sơ mi cũ, quần tây cũ nhưng lành lặn, không có rách hay vá chỗ nào. Tôi lấy chiếc xe đạp đã cũ chạy xuống nhà anh Đạt, cách nhà tôi khoảng ba cây số. Tôi đến nhà anh Đạt mượn chiếc xích lô chạy thử, xem có hành nghề xích lô nổi không? Tôi đi xe đạp đến cầu Hiệp Ân, muốn qua cầu, tôi phải dẫn bộ, đẩy chiếc xe đạp lên cầu. Xuống dốc cầu, đâu có dám chạy, phải dẫn bộ xuống dốc vì nếu chạy với tốc độ quá nhanh, tôi không thể kiểm soát được tốc độ, sẽ sinh ra tai nạn. Khi tôi đạp chiếc xe xích lô tới dốc cầu Nhị Thiên Đường lại phải xuống xe đẩy lên dốc. Nhưng chỉ là chiếc xe xích lô không có người, nên tôi đã đẩy chiếc xe lên dốc cũng không lấy gì làm khó khăn lắm.

Tôi cảm thấy vui vui vì lần đầu tiên đạp xích lô, dùng sức lao động của mình để kiếm sống. Từ nhỏ tới giờ phút này, năm 1983, tôi được 41 tuổi, tôi chưa có chạy xe xích lô lần nào. Trong trại cải tạo, tôi có cuộc đất trồng khoai, khuân vác cây cối, nhưng cũng chỉ làm theo sức mình, những việc nào nặng nhọc quá, tôi đều tìm cách từ chối không làm như là đi lên rừng đốn nứa đem về cho bạn tù làm tắm mình, lên rừng đốn củi về cho đội nhà bếp nấu nướng, tôi đã từ chối không đi, nêu lý do sức khỏe, bệnh hoạn trong người không thể khuân vác được. Cán bộ coi tù lúc đó cũng phải chấp nhận mà thôi.

Tôi thấy có Đỗ Văn Bảy, học trò cũ của trường Lương Văn Can, đã đậu bằng kỹ sư vi tính, cũng đạp xích lô mà sống, một người bạn khác, anh Minh ở trong Nam Hải, giáo sư dạy cấp 2 trường Phạm Thế Hiển cũng chạy xích lô đạp để kiếm thêm tiền. Tôi đạp xe xích lô qua cầu Nhị Thiên Đường, chạy đến bến xe Chợ Lớn, khu chợ Bình Tây để kiếm khách. Vì lần đầu tiên tôi chạy xích lô nên tôi đâu có biết, trước mặt tiền chợ, tôi không được rước khách. Tôi vừa chạy đến đậu phía ngoài chợ thì bị bảo vệ chợ lấy cái nệm trên xe xích lô dùng để làm ghế ngồi cho khách. Thế là cái xe xích lô của tôi mất cái nệm để cho khách ngồi. Chưa có kiếm được đồng nào, lại mất nệm xe lấy tiền đâu mua cái nệm khác trả lại cho anh Đạt.

Tôi chạy xe không, chạy vòng vòng một hồi thì đến ngã tư đường Nguyễn Trãi và Nguyễn Tri Phương. Hai vợ chồng người Hoa, mập mạp, leo lên xe, bảo tôi chạy từ ngã tư Nguyễn Trãi lên phía đường Thành Thái, chạy dọc theo đường Nguyễn Tri Phương tôi không ngờ là đường lên dốc, tôi đập không nổi vì ông bà người Hoa này quá mập, chắc hai vợ chồng này cũng phải trên 150 kí lô.

Sau chuyến xe chở hai người Hoa đó, tôi thấy quá mệt đành phải đem xe về trả lại cho anh Đạt vì tôi biết sức mình không thể làm nổi nghề này. Đêm đó tôi nằm trần trọc suốt đêm, tim tôi đập nhiều, đập liên hồi, nên không ngủ được ngon giấc. Mãi đến mấy ngày sau mới lấy lại sức khỏe bình thường.

Tôi bán vé số.

Tôi quen anh Nguyễn Tấn Thời đang làm nghề bán vé số. Anh đã có diêm bán vé số là cái bàn ở chợ Phạm Thế Hiển. Trước năm 1975, anh từng là Thư ký hành chánh, rất siêng năng học hành, đã tốt nghiệp Cao Học Hành Chánh, làm ở nha Thuế Vụ, bộ Tài Chánh, Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, anh bán vé số, anh lãnh vé số về vừa bán lẻ, vừa giao cho các bạn hàng.

Tôi đến nhà anh để nhận vé số về bán kiếm lời. Chỗ ngồi thì bà con đã sắp xếp hết rồi, tôi đâu còn chỗ nào chen chân vô được. Do đó đành phải đi bán dạo. Lúc đó, tôi nghĩ phải đi thật xa ra khỏi khu vực quận 8, mới hy vọng không gặp người quen, nhất là học trò cũ của mình vì tôi nghĩ rằng trước đây cũng từng đi dạy học, cũng là một Giáo Sư trường Trung học, mà bây giờ đi bán vé số thì cảm thấy mắc cỡ quá, coi kỳ cục quá.

Do đó, sau khi anh Thời đưa sắp vé số cho tôi, tôi đâu dám mời bà con ở quận 8. Tôi đi bộ qua đò Chánh Hưng, đi vòng qua chợ Xóm Củi cũng chưa dám bán, tôi đi dọc kinh tàu hủ, bến Lê Quang Liêm, qua khỏi Bưu điện Chợ Lớn, khoảng khá

48 Hồi Ký

xa, tôi hy vọng sẽ không còn gặp ai là người quen nữa, sợ nhất là gặp lại học trò cũ thì “quê” quá đi. Lúc đó tôi vẫn còn xấu hổ, mắc cỡ vì nghĩ rằng nghề bán vé số không được vinh dự. Tôi đi một khoảng xa, đến bến xe xích lô đạp, thấy có mấy anh tài xế đang đợi khách. Tôi nghĩ trong đầu chắc là bán được rồi đó. Tôi liền lấy trong túi quần một cọc chùng năm sấp vé số để mời khách. Tôi vừa đưa vé số, vừa nói:

- Mời mấy anh mua giùm vé số.

Mới vừa nói câu đó xong, có một người trong nhóm tài xế xích lô nói:

- Chào thầy, em là học trò trường Lương Văn Can, mời thầy uống cà phê, hút điếu thuốc. (Sau này tôi mới biết em này tên là Đặng Thái Sơn ra trường năm 1975. Năm 2002, tôi từ Mỹ về, đã gặp lại Sơn và nhắc lại chuyện này cũng là một kỷ niệm không bao giờ có thể quên được.)

- Tôi giựt mình, vội vàng rút thật nhanh mấy sấp vé số vào trong túi quần. Sơn kéo ghế mời tôi ngồi, đưa cho tôi một điếu thuốc thơm đầu lọc, bây giờ gọi là thuốc có cán. Đó là tình nghĩa thầy trò, quý nhau lắm, mới mời thuốc lá thơm. Ngồi nói chuyện với học trò cũ, mà cảm thấy không yên tâm vì không biết làm sao bán hết mấy sấp vé số này, đã lãnh vé số rồi thì không lẽ trả lại y nguyên sao. Làm sao bán đây? bán cách nào bây giờ? Tôi lo quá. Bán không được, lấy tiền đâu mà đưa cho bạn mình là anh Thời đây. Cho nên vừa uống cà phê mà lòng ái náy không vui, vừa mắc cỡ, vừa lo lắng trong lòng.

Uống vội chút cà phê, hút xong điếu thuốc, dự định đi bán tiếp các số vé còn giữ trong tay. Chân thì muốn bước tới, mà lòng trí thì muốn về nhà rồi tính, vì mình đã mất tinh thần rồi, cứ lo sợ người quen, học trò thấy mình đi bán vé số. Lo sợ người thân, bạn bè, học trò cũ của mình thấy mình “sao xuống dốc như thế, sa cơ lỡ vận, nghèo khổ như thế”. Nỗi khổ, khó khăn chính là sự phân vân làm sao giải quyết được hết mấy tờ vé số

này đây. Cuối cùng, không còn có cách nào khác, tôi phải trở về nhà và giao hết mấy sấp vé số đó cho đứa con gái út lúc đó 10 tuổi, nhờ cháu đi dò qua phường Chánh Hưng, bán tới xế trưa khoảng 4 giờ chiều thì hết.

Tôi mừng vô hạn vì đã bán xong hết mấy sấp vé số để có tiền trả cho anh Thời. Tôi buồn vì bắt đứa con gái nhỏ, 10 tuổi, đáng lẽ tuổi này, cần nhiều thì giờ để học hành mà phải bận tâm phụ tôi kiếm tiền giúp đỡ gia đình.

Đạp xích lô không nổi vì nặng nhọc không quen. Bán vé số cũng không xong vì mắc cỡ, ngại ngùng.

Trước năm 1975, tôi đi dạy học. Mỗi tuần đứng lớp khoảng 18, 20 giờ, còn dư thì giờ khác tôi đi dạy thêm lớp đêm ở trường Petrus Trương Vĩnh Ký, trường Hùng Vương hay đọc sách, học thêm hay tán gẫu với bạn bè.

Tôi làm nghề giặt bao nylon.

Tôi cùng anh Hoàng Văn Đề đi đến các tiệm mua bán vật liệu phế thải kiếm bao ny lon dơ mà mua. Đem đến chỗ có máy nước công cộng, giặt sạch, phơi khô rồi đem đến các cơ sở sản xuất ra bao ny lon mà bán. Ngồi giặt bao ny lon cho sạch các chất bẩn như dầu mỡ, đất cát, bụi bậm cho thật sạch cũng rất gian nan. Đến khi phơi khô rồi đem đến cho các tiệm làm bao ny lon, họ đòi giá quá thấp cho nên bán xong chỉ lấy lại được vốn là mừng rồi. Giặt sạch, phơi khô, công việc cả ngày chỉ huê vốn nên không thể làm nghề này được.

Mua bán sách báo cũ

Trong lúc mua bán bao ny lon, thấy họ có một số sách báo cũ nên tôi lựa các sách tạm gọi là coi được, mua đem về nhà, sắp xếp lại, loại nào có giá trị đem ra đường Huỳnh Thúc Kháng để bán cho các gian hàng bán sách cũ. Tôi đi với đứa con gái lúc đó khoảng 13,14 tuổi ôm phụ giùm các cuốn sách. Khi ra 50 Hồi Ký

đến nơi, mới vừa ôm các cuốn sách để giới thiệu với các quầy bán sách, thì bị bảo vệ tịch thu hết, không cho bán, mặc dầu các sách này chẳng phải là sách cấm, nhưng họ nói rằng buôn bán không có giấy phép nên họ tịch thu mà thôi. Con gái tôi, tên Uyên Phương, đi theo tôi cũng ngỡ ngàng, thấy hoàn cảnh của cha nó chắc nó cũng buồn, cũng đau lòng khi một thầy giáo không được dạy học, không được làm bất cứ nghề gì để sống, chỉ còn cách phải đi về quê làm ruộng mà thôi. Đó là mục đích của nhà nước lúc bấy giờ muốn bứng dân ra khỏi thành phố, đuổi về quê hay đi xây dựng vùng kinh tế mới, nên mới kiểm soát gắt gao như thế. Nhà nước kiểm soát từ cây kim, sợi chỉ, từ miếng cơm, manh áo để nắm dân, điều khiển dân, để dễ sai khiến dân.

Tôi đi dạy kèm

Tôi không biết làm gì để kiếm tiền, để có thể lo cho cái phần đơn giản nhất của đời sống vật chất một con người đó là lo cho cái bao tử, để hẳn có thể tồn tại trên thế gian này. Hẳn cần có cơm ăn, áo mặc và cũng như giúp cho con cái có cái ăn, cái mặc cùng học hành nữa. Tôi dùng sự hiểu biết sẵn có để mưu sinh. Tôi dạy Toán lớp Nhất- sau này là lớp 5- cho các cháu đang thi lên lớp cấp 2. Tôi đã giúp nhiều đứa từ bình thường lên khá ở trong lớp. Tôi dạy Toán cho lớp 8, lớp 9 và dạy Anh văn vỡ lòng cho đến trình độ tương đối cao hơn một chút. Những lúc trời mưa, trời gió, nếu có giờ hẹn cũng phải đến dạy. Lúc được thả về là lúc sức khỏe đã suy yếu, thường đến khám bệnh ở Bác Sĩ Phạm Ngọc Trạm, cứ hỏi đến tình trạng cái bụng to như bị trứng nước. Tôi thường xuyên bị cảm, hay đến gặp Bác sĩ Lâm Ngọc Nhã, khám bệnh, xin thuốc.

Tôi bán bia, nước ngọt

Sau một thời gian dạy học không đủ tiền để sinh hoạt, bà xã tôi có một người bạn tên là cô Hồng dạy chung trường Bông Sao, có làm nước ngọt để bán, cần người bỏ nước ngọt. Họ cho mượn năm kết vỏ chai nước ngọt để tôi lấy hàng đi bỏ

môi. Trong thời gian này nhà nước cấm người dân buôn bán, chỉ có nhà nước, các công ty quốc doanh và Hợp Tác Xã được buôn bán mà thôi.

Tôi đi đến các quán bán nước ngọt, bán bia để hỏi họ có mua nước ngọt của cơ sở sản xuất mới này không? Quán đầu tiên tôi đi hỏi là quán của bà Ba, trên đường Liên tỉnh số năm, nằm bên phải, dưới dốc cầu Nhị Thiên Đường. Thấy giá rẻ, còn cho mượn vỏ chai nữa nên bà Ba chịu liền. Tôi rất mừng vì lần đầu tiên giới thiệu hàng mới mà có người nhận. Tôi vòng qua chợ Bông Sao, đi dọc theo đường Lộ đá đỏ, (tên mới Bùi Minh Trục), hỏi bất cứ quán bán nước ngọt nào có bên vệ đường.

Trước khi tôi bán hàng chỉ có một người bỏ môi nước ngọt mà thôi, nên tôi không có gặp sự cạnh tranh nào đáng kể. Lúc này tôi phải ráng hết sức để đi lấy hàng và giao hàng. Có khi trời đang nắng chang chang, cái nắng gay gắt của buổi trưa, mà tôi cũng phải chở nước ngọt bằng xe đạp, hai kết được ràng ở phía sau xe, hai giỏ xách treo hai bên ghi đông, để ở đằng trước, chở được một kết nước ngọt, vị chỉ là ba kết trên xe của tôi. Có người chở phía sau được bốn kết, phía trước được hai kết điều đó tôi không làm được. Lúc này buôn bán nước ngọt rất có lời, có khi lời gấp đôi vì nhà máy chính ở bến Vân Đồn sản xuất nước ngọt không đủ bán, cho nên tư nhân lén lút sản xuất nước ngọt để bán. Dĩ nhiên những người dám sản xuất lén lút để bán phải là cán bộ hay bà con của cán bộ mà thôi. Chớ dân thường đâu có ai dám bỏ vốn ra mà làm ăn như vậy, nếu bị bắt thì tài sản sẽ bị mất hết, mà còn bị phạt nữa.

Tôi chở nước ngọt được hai, ba tháng thì bắt đầu bị cảm thường xuyên do làm việc quá sức. Từ nhỏ tới tuổi này (43 tuổi) tôi có bao giờ làm việc gì nặng nhọc đâu. Sau một thời gian cảm ho khoảng hai tháng, tôi nằm ngủ không được vì khó thở. Tôi phải để đầu trên gối cao nằm dốc ngược lên, mới ngủ được, mới thở được. Nhiều đêm bị ho và vì quá mệt, tôi không thể làm việc nổi nên tôi đi khám bệnh, mới khám phá ra bệnh

lao và phổi có nước. Tôi phải vô bệnh viện Nguyễn Trãi nằm điều trị mất một tháng.

Về nhà phải uống thuốc mất một năm rưỡi nữa mới lành bệnh. Chích thuốc trị phổi của Liên Xô đau vô cùng mà vẫn phải chịu thôi vì đâu có thuốc đặc trị của Pháp hay của Mỹ.

Lúc bấy giờ (năm 1985, 1986) chưa có quán nào được phép bán, cho nên chỉ toàn là bán chui mà thôi, tức là mua bán không có giấy phép, nên không có ai dám trữ hàng. Không có nhiều hàng hóa ở trong nhà, mua món nào bán món đó. Nếu giữ hàng nhiều trong nhà sẽ bị bắt, bị phạt. Do đó hàng hóa luôn luôn khan hiếm, buôn bán rất có lời.

Bia nhà nước sản xuất quá ít không đủ cho nhu cầu hàng ngày mà giá lại quá mắc nên mới có tình trạng mỗi địa phương lập thêm các cơ sở sản xuất bia kiếm tiền gây quỹ cho phường hay cho quận hay cho các viên chức nhà nước muốn kiếm thêm tiền. Thường thường các cơ sở sản xuất của tư nhân mượn danh nghĩa nhà nước như là Hợp tác xã, để làm ăn riêng. Bia họ sản xuất gọi là “bia lên con”.

Tôi còn nhớ lúc đó có bia 36, hay rượu nhẹ 36, đó là loại rượu pha cồn công nghiệp, uống vô nhưc đầu không chịu nổi, loại bia này làm cho đau nhưc các khớp xương. Một lần tôi khám bệnh cảm tại nhà Bác Sĩ Trạm, một người đi không nổi vào khám bệnh, anh ta làm nghề chạy xích lô. Bác sĩ Trạm nói đùa: “Tại anh mà anh ấy đi không được, tại anh bán rượu cồn 36 đó.” Lúc đó nhà máy Chương Dương chưa sản xuất rượu cồn lấy hiệu là rượu Chương Dương, mùi vị cũng giống như rượu 36, nhưng uống đỡ độc hại hơn, sạch sẽ hơn rượu 36 này vì nó được sản xuất ở nhà máy lớn của nhà nước.

Song song với loại “rượu 36” này, còn loại rượu bia khác nữa gọi là “bia lên con”. Bia này được nấu bằng cùi thơm hay vỏ của trái thơm để vài ngày lên men, có gas uống cũng chóng mặt, cũng say. Bà con thích uống loại này vì rẽ tiền, còn bia

hơi quá đắt mà cũng khan hiếm nữa nên không đủ cung ứng cho nhu cầu của dân chúng.

Anh Chín, con di tư, gặp tôi nói: “Chú mày bán rượu cho bà con uống tức là đã làm u tối lòng người ta”. Tôi biết rượu 36, rượu nhẹ Chương Dương hay bia lên cơn là thứ chất độc hại, tôi không dám uống mà vì cần kiếm tiền để sống, nên tôi đã làm một điều “trái với lương tâm của mình”, mà vẫn phải làm. Ngồi ngẫm nghĩ lại, tôi cảm thấy hối hận về việc làm này. Tôi biết rượu này có hại đến sức khỏe và ảnh hưởng xấu đến tinh thần của bà con mà tôi vẫn làm.

Sau khi Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố theo chính sách đổi mới, cho làm ăn buôn bán, cấp giấy phép buôn bán nhỏ. Tôi được cho phép bán bia, nước ngọt từ năm 1986. Mỗi khi có Tết hay ngày lễ lớn thì hàng hoá vẫn thiếu, các cơ sở sản xuất không cung ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của người dân. Do đó giá cả các loại hàng hóa thường lên gấp đôi.

Thời gian này tôi buôn bán càng đắt hàng vì ít người buôn bán. Tôi làm ăn càng ngày càng phát triển, khá giả. Từ ngày tôi mượn 5 kết nước ngọt để lấy hàng đem bán, đến nay tôi đã được hơn 100 kết nước ngọt. Từ 100 vỏ chai bia để thay đổi nay tôi đã được bốn năm trăm kết bia. Lúc đó tôi phải đến các vựa bán ve chai, lông vịt, mua bán đồ phế liệu để mua các vỏ chai không, vỏ cũ dơ dáy, dính đất cát hay dầu mỡ đem về ngâm sà bông, rồi rửa thật sạch đem đổi bia và nước ngọt về bán.

Trong thời gian bán bia, nước ngọt là thời gian tôi hy vọng, chờ đợi để được đi định cư ở Mỹ. Tôi đã nộp đơn để xin đi Hoa Kỳ vì tôi ở tù quá lâu gần tám năm. Tôi đã có được giấy tờ của Mỹ cho định cư tại Hoa Kỳ gọi là tờ “Loi”. Tôi chỉ là công dân hạng hai. Tôi sống trong đất nước của tôi như người khách ở trọ, không lúc nào được bình an. Tôi hồi hộp, lo âu không biết họ có thể bắt lại, bỏ tù tôi bất cứ lúc nào. Tôi như cá nằm trên thớt, họ muốn làm gì chúng tôi lúc nào cũng được.

Tôi bị dị ứng đối với công an. Mỗi lần thấy cái nón cối màu vàng của anh công an khu vực là tôi thấy khó chịu trong lòng. Sau này cái nón cối được đổi thành cái kết màu vàng.

Tôi chở bia, nước ngọt trên chiếc xe đạp lộc cộc để giao hàng cho các quán, các tiệm cà phê. Khi thấy mệt, tôi hay đến nhà anh Nguyễn Gia Phách (cựu giáo sư trường Lương Văn Can), anh Hà Hón Liễu (anh Liễu mất đầu năm 2003), Hoàng Văn Đề (bạn tù ở K4 Vĩnh Phú) hay anh Đỗ Ngọc Tuyên (hiện ở Cali) trong Nam Hải để hỏi thăm tin tức về việc ra đi, tới HO mấy rồi, để xem mình có đi được không? Có trở ngại gì không? chừng nào mới tới phiên gia đình tôi được ra đi đây?

Lạ lùng thay, chu kỳ của cuộc đời tôi khoảng 10 năm có sự thay đổi. Đây là cái mốc thời gian của riêng tôi. Đường như có sự trùng hợp lạ lùng. Tôi bắt đầu đi dạy học là năm 1965. Mười năm sau, năm 1975 tôi đi tù. Từ cuộc sống bình thường, tôi sa vào vòng lao lý, sống chết không biết ra sao, tương lai về đâu, hoàn toàn vô định.

Tôi chịu đựng trong lao tù Cộng Sản gần 8 năm. Tôi trở về nhà đầu năm 1983. Cũng mười năm sau, cuối năm 1993 tôi đi sang Mỹ vào ngày 01 tháng 11 sau ngày lễ “ma” (Halloween), trong đêm lễ “ma” này, các trẻ em đeo mặt nạ, đến từng nhà để xin kẹo.

Lúc mới về, Phó Chủ Tịch Phường là Lê Văn Tôn đã sai tôi cùng với nhiều anh em cựu tù nhân cải tạo đang bị quản chế đi đắp đê. Sáng sớm phải đội cái nón lá lên đầu, xách theo bình nước lã để uống và phải lội xuống sông để đắp đê. Trong thực tế, họ cho người dẫn chúng tôi đến con kinh nhỏ gần ụ Nam Chánh, bắt chúng tôi xuống sông để vét kinh, đào đất, đắp lên bờ. Giữa ruộng, từ xa, một người xắn một cục đất tạm coi là khá lớn, chuyền tay cho người thứ nhất đã rút xuống một miếng, chuyền đến tay người thứ hai đã rút thêm một miếng đất nữa, đến khi miếng đất chuyền đến người cuối cùng, quãng được cục đất lên bờ thì nó chỉ còn bé tí teo cỡ bằng bàn tay.

Sau một buổi làm việc như vậy số đất đem lên bờ chẳng có bao nhiêu, chỉ làm cho đường đi càng dơ bẩn hơn mà thôi.

Mỗi thứ hai, đầu tuần, tôi phải trình diện công an Phường trước mặt nhà tôi. Bất cứ có chuyện gì cần làm như đắp đất, khuôn vác thì ưu tiên cho các người tù cải tạo về. Lúc nào công an cũng dòm ngó tôi. Đối diện nhà tôi là văn phòng công an Phường 5. Cho nên sáng ngủ thức dậy, mở cửa nhà là tôi thấy công an rồi.

Tôi là phó thường dân, là công dân hạng hai, nên đi đâu xa, vắng nhà đều phải xin phép. Công an thường xuyên theo dõi tôi tiếp xúc những ai? làm gì, có liên lạc với người của chế độ cũ để tổ chức “phản động”, chống nhà cầm quyền hay không? Có một lần vì chưa có công ăn việc làm tôi thường đến thăm anh Ngọc, chủ tiệm tạp hóa Lê Thị Xoàng, trước năm 1975. Anh Ngọc là Ủy viên tài chánh của ban Chấp hành Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến quận bộ quận 8 và là đảng viên của đảng Tân Đại Việt.

Có lần anh nói với tôi: “Thầy Phụng đừng đến nhà tôi nữa vì công an có đến hỏi tôi, thầy đến để nói gì, làm gì, có tuyên truyền gì không? Lúc đó anh đang chờ đợi con anh bảo lãnh đi Úc. Từ đó tôi không đến nhà anh Ngọc nữa cho tới ngày anh đi Úc đoàn tụ với con của anh.

Đi đâu, làm gì tôi thường xuyên bị theo dõi. Đó là hình thức tù lỏng mà thôi, vì lúc nào tôi cũng bị đe dọa, cũng lo sợ, hỏi họp không biết tôi sẽ bị bắt lại bất cứ lúc nào?

Khi đi giao hàng, ghé các nơi, ghé khách hàng hay đi mua hàng đều lo âu không biết có ai theo dõi mình không? Có ai thù ghét cá nhân mình, tìm cách hãm hại mình không? Lòng mình không yên. Lo âu hoài. Lo hết chuyện này đến lo chuyện khác. Lo làm ăn lỗ lã. Lo con cái không chịu học hành. Lo bị đói, không đủ ăn. Lo con cái hư hỏng vì tôi không đủ sức, đủ uy tín để dạy chúng nó nữa vì tôi là công dân hạng hai mà.

Tiền bạc không có, uy tín xã hội cũng không. Tôi cảm thấy quá khó khăn trong công việc dạy dỗ con cái.

Về công việc làm ăn, được tiến triển đôi chút. Từ một trăm chai bia, vài kết nước ngọt đã lên đến mấy trăm kết bia và mấy trăm kết nước ngọt, điều đó đã chứng tỏ toàn thể gia đình tôi cất lực làm việc mới đủ sống và mới tồn tại được, tôi tưởng đâu tôi đã ngã gục rồi. Theo luật bù trừ, con cái tôi vì phụ giúp buôn bán nên không còn chú tâm hoàn toàn vào việc học nữa. Còn riêng cá nhân tôi lo bán bia, bán nước ngọt nên không còn thì giờ dạy con cái học hành. Chỉ có một đứa lớn tốt nghiệp Đại học Bách Khoa mà thôi. Khi đi qua Mỹ lại làm nghề sửa xe hơi. Sau này cháu học lại cũng tốt nghiệp kỹ sư ở Hoa Kỳ.

Hành trình thoát khỏi chế độ cộng sản qua Mỹ sinh sống thật cam go vô cùng. Khi được cộng sản thả ra từ trại Nam Hà, phân trại C, thành phố Hà Nam Ninh về đến Sài Gòn một thời gian ngắn, khoảng vài tháng, tôi nhờ anh Nguyễn Gia Phách, cựu giáo sư dạy cùng trường Lương Văn Can, được cộng sản tha về, trước tôi khoảng hai năm, cho tôi mẫu đơn để tôi điền đơn gửi sang toà Đại Sứ Mỹ ở Bangkok, Thái Lan để xin tị nạn, định cư tại Hoa Kỳ. Trong thời gian này ít có ai dám làm đơn vì còn sợ cộng sản biết được có thể bắt bỏ tù trở lại vì đã ở tù rồi mà còn muốn theo kẻ thù là Đế Quốc Mỹ, còn thích “bơ thừa, sửa cận của kẻ thù” như vậy rõ ràng là chưa có cái tạo được.

Do đó, tôi làm đơn, rồi lén gửi chui, nhờ người làm trong bưu điện gửi giùm. Không có ai, không có chỗ nào dám nhận đánh đơn của mình. Tôi phải tự đánh máy lấy và tự gửi, lòng lo âu không biết thư từ của mình có tới Thái Lan hay không?

Tôi gửi nhiều đơn. Đơn nào cũng giống nhau cứ vài tháng lại gửi một cái đơn. Tôi cứ gửi đại nhiều lần, hy vọng thư này bị lạc thì còn có thư khác tới. Tôi cũng có gửi cho bà Khúc Minh Thơ để bà gửi sang Bangkok can thiệp giùm tôi. Đó là thời kỳ tôi mới về chưa có công ăn việc làm ổn định. Đi dạy học lại

thì nhà nước cộng sản không cho, mà tôi cũng không muốn dạy học vì dưới chế độ cộng sản nếu có nói sơ sẩy một chút là dễ dàng vô tù trở lại.

Tôi chỉ còn hy vọng vào lối thoát duy nhất này. Đi Mỹ để giải quyết được nhiều thứ chuyện từ chuyện làm ăn, chuyện gia đình, bốn gia đình, bốn nàng dâu ở chung trong một căn nhà. Sự cãi vã làm sao không xảy ra được. Nhà cửa chật chội. Ai ở dưới đất mới có thể làm ăn được, còn ở trên lầu không thể nào buôn bán kiếm tiền được. Sự giàu nghèo, sự hơn thua không thể nào không xảy ra được giữa các nàng dâu với nhau. Việc ăn mặc, về áo quần, việc ăn uống, ăn món này, ăn món kia, ăn thịt, ăn cá, hay ăn rau cải cực khổ hay ăn uống sung sướng đều có thể là đề tài tranh cãi, gây gổ lẫn nhau. Ban đêm con cái nằm ngủ sắp lớp như cá hộp. Nửa đêm nóng nực, mồ hôi đổ ra như tắm. Quạt máy chạy liên tục suốt đêm vẫn thấy nóng bức. Quần áo ướt đẫm trong khi ngủ vì mồ hôi. Khi đứng dậy đi vệ sinh phải cẩn thận vì có thể đạp lên người đang ngủ hay va chạm vào đồ đạc trong nhà.

Trước sự sống còn, ai cũng phải bương chải mà sống. Sự kèn cựa nhau, lời qua tiếng lại vì người này ăn ngon hơn, người kia mặc đẹp hơn, vì người này có bộ quần áo mới mà người kia chưa có, cũng đủ tạo thành hoàn cảnh phân bì, không ưa nhau, kèn cựa nhau, chưa kể có thể đưa đến tình trạng oán ghét nhau.

Một lần bà xã tôi “gây gổ” với thiêm ba chỉ vì nước từ trên lầu cao đổ xuống ướt áo quần phơi ở dưới nhà. Hai người lớn tiếng, cãi vã với nhau. Tôi đã chấp tay lạy bà xã tôi và thiêm ba trước mặt ba tôi vậy mà hai người vẫn không chịu ngưng lời cãi vã lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ là tôi không còn đủ uy tín để dàn xếp những sự xung đột trong gia đình. Bên ngoài xã hội, tôi là công dân hạng hai, bên trong gia đình, lời nói của tôi cũng chẳng ai thèm nghe, thèm để ý tới. Ba tôi lớn tuổi đã về hưu nên không còn làm ra tiền như lúc trước nữa, các cô

dâu bắt đầu lán lướt, có vẻ không còn nể nang ba tôi nữa chẳng?

Khi tôi thương bà xã tôi hiện giờ, ba tôi không chịu vì ba tôi cho rằng không môn đăng hộ đối. Ba tôi muốn làm sui với ông Hiệu trưởng trường Phạm Thế Hiển, trường này ở gần nhà tôi, nên ba tôi muốn tôi cưới cô Phát là con ông Hiệu Trưởng.

Tôi đã hứa với ông Hiệu Trưởng là sẽ cưới cô Phát để ông mang tôi về Sài gòn vì lúc đó tôi đang dạy học ở xã Phước Hoà Long, quận Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (Phước Tuy). Mới đi dạy học có hai năm thì khó xin đổi được về Sài gòn nếu không quen biết ai làm ở bộ Giáo Dục. Vì lời hứa ấy nên ông Hiệu Trưởng trường Phạm Thế Hiển lên gặp bạn của ông là Giám đốc Nha Tiểu Học, để xin tôi về làm việc tại Nha Khảo Thí, đường Nguyễn Bình Khiêm, phải nói với họ tôi là rể thì họ mới nhận giúp chuyển chuyển tôi về Sài gòn. Nhưng khi được về Sài gòn rồi, tôi không thể bỏ được bà xã tôi, tôi cũng thương bà xã tôi, còn về cô Phát tôi cũng chỉ có cảm tình mà thôi chứ chưa có thương yêu vì chỉ gặp có một hai lần chưa có lần nào nói chuyện gì nhiều nên tình cảm chưa có. Cô Phát trông cũng tạm được, không đẹp lắm, dáng người hơi cao, nhưng hơi ốm cũng đã đỡ Tú tài hai. Nếu lúc đó tôi không quen bà xã tôi chắc là tôi đã cưới con ông Hiệu Trưởng này rồi vừa để cho ba tôi vui lòng, như vậy cũng bình thường thôi.

Tôi đã thất hứa với ông Hiệu Trưởng vì khi tôi được đổi về Sài gòn rồi, tôi đã không tiến hành đám cưới với cô Phát như tôi đã hứa, làm cho ba tôi giận một thời gian rất lâu dài. Ba tôi rất khổ tâm, khó ăn, khó nói với ông Hiệu Trưởng vì tôi đã không giữ lời hứa làm đám cưới với cô Phát. Tôi sợ còn trẻ mà có hai bà vợ chỉ khổ cho thân tôi mà khổ cho cả ba người mà thôi. Lúc đó, tôi mơ ước làm chính trị, ứng cử, nên sợ đời sống gia đình không gương mẫu, dân chúng sẽ không bầu mình nếu tôi có hai vợ. Lương bổng tôi lúc đó cũng tạm đủ sống mà thôi chứ không có dư dả gì. Nếu tôi ra ở riêng thì cuộc sống sẽ chật vật ngay. Khó khăn sẽ chồng chất, cho nên

cho tới ngày tôi đi cải tạo, tháng 6 năm 1975, tôi vẫn còn ở chung với ba mẹ tôi. Rồi sau này, khi đi cải tạo về cũng sống chung như vậy cho tới ngày tôi đi Mỹ ngày 01 tháng 11 năm 1993.

Tôi đã ngại ngùng không dám đến nhà ông Hiệu Trường để xin lỗi về chuyện mình thất hứa. Đối với quan niệm nho gia thì thất hứa này rất quan trọng. Người Việt mình tôn trọng chữ tín mà mình lại làm mất uy tín của mình nhưng mà biết làm sao hơn được. Thà mất uy tín để sau này đỡ khổ chung cho nhau. Nếu tôi không suy nghĩ sâu xa thì chắc chắn rằng tôi đã có quyết định khác rồi. Nghĩa là, những gì xảy ra về sau này tôi không biết sẽ ra sao? Tôi cũng không hiểu là cuộc đời sẽ như thế nào nữa? Nhưng tôi thấy lúc đó chắc có lẽ vì nhiều lý do nhưng lý do chính là tôi không muốn rắc rối về sau, ngoài ra tôi còn có mộng ra tranh cử Nghị viên hội đồng thành phố nữa, tôi bỏ bà xã tôi thì tôi không yên tâm và tôi sợ tranh cử sẽ mất phiếu cử tri. Có lẽ lúc đó tôi hết sức thương yêu bà xã tôi cho nên tôi mới chấp nhận thất hứa với ông Hiệu Trường như vậy.

Sau này chính thím tư, em dâu của tôi đã phải đến nhà ông Hiệu Trường để giải bày lý do hơn thiệt, coi như xin lỗi giùm ba má tôi. Từ đó ông Hiệu Trường mới thông cảm với gia đình tôi và hai gia đình mới đối xử bình thường lại như xưa, mặc dầu tôi không là rể của ông Hiệu Trường.

Tôi được Lãm là cháu gọi tôi bằng cậu, cháu ngoại bác Hai tôi ở làng Tân Tập, nhận bảo trợ cho tôi từ năm 1983. Khi tôi nộp đơn đi Mỹ, Lãm đã lo giấy tờ đầy đủ cho tôi và được Mỹ chấp thuận từ năm 1984, tôi nhận được giấy tờ từ Mỹ gửi về, đó là giấy chứng nhận đồng ý của chánh phủ Mỹ cho phép tôi được định cư tại Hoa Kỳ. Giấy này còn gọi là “LOI”. Nếu có tờ giấy này có thể dùng để xin xuất cảnh ở Việt Nam.

Hành trình đi Mỹ của gia đình chúng tôi rất là gian nan. Thỉnh thoảng phải nhín chút thì giờ đi ra sở ngoại vụ trước dinh Độc 60 Hồi Ký

Lập cũ, để nghe ngóng tin tức. Nghe lóm bất cứ tin tức gì về chuyện đi đứng, tin vui, tin buồn gì cũng thông báo cho nhau nghe. Có tin Đại Tá này được cấp xe, cấp nhà. Có hình ảnh của căn nhà mà ở phía trước nhà có đề tên của Đại Tá... Trung Tá v.v...

Ôi thôi đủ thứ loại tin tức thường là tin hấp dẫn về chuyện ra đi. Nào chánh phủ Mỹ cấp nhà, cấp xe. Truy lãnh lương bao nhiêu năm ở trong trại cải tạo. Sống một cuộc sống “đế vương” khi được định cư tại Hoa Kỳ. Thuốc thơm hút thoải mái. Rượu ngon mặc sức uống. Bước ra là đi xe hơi, không phải đi xe đạp mệt nhọc nữa. Ôi bao nhiêu thứ tưởng tượng, thêu dệt đủ thứ về cuộc sống sung sướng, giàu sang ở Mỹ? (Tất cả tin tức này cũng từ nhà cầm quyền cộng sản đưa ra mà thôi? để các cụ tù nhân hy vọng cuộc sống mới ở Mỹ mà không chống đối nhà cầm quyền cộng sản?)

Tôi đã nhờ một người bạn phía sau nhà chạy lên danh sách HO 6. Tôi cùng với Lê Văn Quang (đã mất ở San Jose Cali) đi nộp đơn, nhưng vì Quang có bảo lãnh trước nên Sở ngoại vụ nhận đơn để làm giấy xuất cảnh, còn tôi chỉ có tờ LOI, không có thân nhân nào bảo lãnh cả, nên họ không cho nộp đơn, bảo phải chờ. Tôi cũng không hiểu đi sớm hơn thì tốt hay đi chậm hơn thì tốt nữa.

Nếu tôi đi sớm hơn thì căn nhà của tôi đã bị cộng sản lấy rồi, nhờ đi trễ mà căn nhà của tôi đứng tên, được sang tên cho người em ruột của tôi.

Tôi phải ra về lòng buồn rười rượi, vì Quang đã nộp đơn được mà tôi không nộp được. Hai anh em cùng đi, một người được, một người không như vậy có tức không? Do đó tôi phải chờ đợi chừng nào có thông báo của Bộ Nội Vụ cho các người cải tạo nộp đơn tôi mới có thể nộp được. Nhưng khi có thông cáo nộp đơn thì số người nộp rất đông, nên tôi nghĩ là tôi sẽ có danh sách cỡ chừng HO 15 hay HO 16. Tôi đã nhờ bạn phía sau nhà chạy lên HO 6 hay HO 8. Nhưng cuối cùng, vụ chạy

chợt HO bị ngưng do chia chác không đồng đều hay bị thiên hạ đàm tiếu quá, hay lý do gì tôi không được rõ, họ đã không tiếp tục làm. Tôi vội vàng nộp đơn lại thì đơn tôi đã trễ và tôi được lên danh sách HO 23.

Rất nhiều người khiếu nại với phía Mỹ để xin đi sớm, nêu lý do là nộp đơn quá lâu rồi, ở trong nước bị chèn ép, khó khăn nguy hiểm, trong cuộc sống thường nhật có thể bị bắt lại bất cứ lúc nào.

Tôi có quen ông Tám ở bên Chánh Hưng quen với Tùng. Ông Tám nghe tôi nói cần đi sớm nên đã nhờ Bòn ở Long An quen với anh bạn (quên mất tên) ở Cát Lữ (Vũng Tàu) vận động cho tôi nâng số HO để được đi sớm. Kết quả tôi được lên danh sách HO 19 (không biết do tự động phía Mỹ nâng lên hay do anh bạn giúp đỡ?).

Ông Tám mất trước khi lên máy bay đi Mỹ vì bệnh đau cột sống? Có lẽ vì uống thuốc nhiều quá bị phản ứng thuốc mà chết. Tôi rất cảm ơn ông Tám, nhờ đó mới quen được Bòn (hiện ở Kansas), nhờ Bòn mới gặp được anh Cẩn ở Gia định giới thiệu tôi với anh bạn ở Cát Lữ, Vũng Tàu chạy giúp giùm tôi lên HO vì tôi quá nôn nóng muốn rời khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt. Sau cùng tôi được xếp vô HO19 trước được 4 danh sách HO, đi trước được khoảng một năm. Khi được Bộ nội vụ cộng sản cấp giấy phép để xuất cảnh (hộ chiếu) rồi, tôi mới cảm giác là sẽ được tự do, không còn bị cộng sản làm khó dễ nữa. Tuy nhiên, nếu ngày nào tôi chưa được rời khỏi nước, tôi vẫn còn chịu sự giám sát của họ. Có lần Cậu Bảy Bích ở kế bên nhà là tổ trưởng của tôi có nói lại với tôi là thằng Công an khu vực có hỏi thăm cháu: “Sao mà nhiều sĩ quan đến nhà như thế, nói chuyện gì, có làm chính trị không?”. Cậu Bảy Bích trả lời: “Nó sắp đi Mỹ rồi, chỉ lo chuyện làm ăn, lo sắp xếp công việc để đi Mỹ, chứ làm gì có chuyện làm chính trị”.

Khi đi khám bệnh phải lo đủ thứ, lo đủ nơi. Phải lo khám trước về phổi ở nhà riêng của bác sĩ rất nhiều lần chụp phổi trước,

62 Hồi Ký

chi tiền thêm cho Bác sĩ để đến khi khám bệnh chính thức sẽ được dễ dàng hơn.

Khi đi phỏng vấn cũng phải bỏ vô hồ sơ vài chục ngàn đồng để được dễ dàng không bị các viên chức Cộng Sản làm khó dễ. Tôi quá sức hồi hộp vì sợ có trở ngại gì không? Tôi biết hồ sơ tôi rất tốt vì từ năm 1983 khi tôi làm đơn gửi qua Bangkok, Thái Lan cho đến lúc được phỏng vấn không có thay đổi gì cả. Cũng chỉ có bốn đứa con mà thôi, lý lịch rất rõ ràng.

Tháng cuối cùng, trước khi tôi được lên máy bay, tôi bị cảm liên miên vì tôi quá lo lắng, lo bán bớt những thứ nào không cần dùng nữa, giảm bớt khách hàng, chỉ giữ lại một số khách hàng quan trọng mà thôi.

Tôi lo chạy giấy tờ để sang tên nhà cho em ruột tôi đứng tên, vì tôi đã đứng tên cái nền nhà lúc tôi khoảng 20 tuổi. Ba tôi đã lo mọi chi phí, đã cất nhà xong hồi năm 1963-1964, nhưng tôi lại là chủ gia đình. Trên nguyên tắc, tôi là chủ căn nhà này, nên khi đi Mỹ, tôi phải giao nhà cho nhà nước quản lý. Nhưng thực tế, tôi chỉ đứng tên giùm cho ba tôi mà thôi. Ba tôi để tôi đứng tên một căn nhà, còn má tôi đứng tên một căn nhà. Căn nhà số 973 đường Phạm thế Hiển do tôi đứng tên, còn căn nhà số 971 thì má tôi đứng tên. Khi tôi đi làm giấy tờ sang tên cho em tôi, cũng nhờ thím năm, em dâu tôi, trước làm ở bệnh viện Nguyễn Trãi nên quen viên chức nhà nước cấp Thành Ủy, lúc trước bị bệnh, có nằm tại bệnh viện này. Nhờ thím năm liên lạc được với họ nên họ đã sốt sắng can thiệp, nên tôi mới sang tên nhà cho em tôi được. Họ vẫn ngậm hồ sơ, vì họ biết mình cần đi Mỹ, nên họ làm khó dễ đủ điều. Mặc dầu có quen biết như vậy nhưng sở nhà đất họ không chịu giải quyết sớm. Họ vẫn ngậm hồ sơ, để tôi nóng lòng muốn đi Mỹ thì phải ký giao nhà cho họ. Nhưng căn nhà tôi chỉ đứng tên giùm cho ba tôi mà thôi. Tôi còn đông anh em, bốn đứa em lặn, nên tôi không thể ký giao nhà này vì nhà này đâu phải là thuộc quyền sở hữu của tôi mà tôi ký giao nhà cho nhà nước được. Tôi cũng không biết họ có chấp thuận, đồng ý giải quyết cho tôi được giao nhà

cho em ruột tôi hay không, mặc dầu đã có sự can thiệp của cấp Thành ủy viên. Tuần cuối cùng, ngày nào tôi cũng có mặt ở Sở Nhà đất để hỏi thăm tin tức, họ cũng không chịu trả lời, bảo phải chờ. Tôi đã có giấy tờ đăng ký chuyển bay, đã có dịch vụ lo chuyên chở hành lý. Đã hẹn ngày giờ để bạn bè tiễn tôi ra sân bay. Nhưng đến những ngày chót mà tôi cũng chưa có giấy chứng nhận không có nhà. Nếu thiếu tờ giấy này tôi không thể nào lên máy bay được...

Sáng thứ bảy, tôi đi cùng một nhân viên dịch vụ của tôi, đứng đợi ở Sở nhà đất từ sáng sớm, đợi giấy tờ từ Ủy Ban Nhân dân thành phố mang qua. Nhân viên của Sở nhà đất đi tới đâu là chúng tôi đi theo tới đó. Họ qua ủy ban, họ không chịu để chúng tôi đi theo, nhưng khi họ đi tới đâu là chúng tôi cứ đi theo họ. Họ vô Ủy Ban nhân dân thành phố chúng tôi cũng đi theo. Chúng tôi phải chung tiền cho họ vậy mà mãi đến chiều thứ bảy khi sắp đóng cửa Sở Nhà đất, họ mới chịu đưa giấy tờ cho tôi.

Trước đó mấy ngày, hôm thứ năm, tôi có nhận được giấy báo đình chỉ chuyển bay của gia đình tôi vì chúng tôi chưa có giấy tờ chứng nhận không có nhà. Giấy đình chỉ chuyển bay như sau:

Giấy số 6213/6 ngày 27/10/1993 kính gửi:

UBND.TP (khối nội chính)

Sở ngoại vụ.

Công An cửa khẩu Tân Sơn Nhất.

Sở nhà đất đề nghị các cơ quan hữu quan cho *tạm hoãn chuyển bay ngày 1/11/93 của hộ gia đình sau đây:*

1. *Phùng Văn Phụng H19-1079: 973 Phạm Thế Hiển F7 Q8*

2. Nguyễn Thị Thanh Trúc: Canada

Lý do: Chưa khai trình nhà đất.

Giám Đốc Sở Nhà Đất
Đóng dấu và ký tên: Nguyễn Minh Dũng

Khi nhận được giấy đình chỉ chuyển bay tôi như người mất hồn, không biết giải quyết ra sao? Vợ tôi thúc hối cứ ký giao nhà cho nhà nước để được đi sớm. Tôi lòng rối như tơ vò, tôi không thể làm như vậy được vì nhà này đâu phải là nhà của tôi đâu mà tôi ký giao. Tôi chỉ đứng tên giùm cho ba má tôi mà thôi. Tôi không thể ký giao nhà của ba má tôi được. Cơ sở đại lý bia thì đã bán lại cho em tôi rồi. Đã cầm lấy tiền, đã thanh toán nợ nần xong rồi. Nếu không đi được ở lại chừng vài tháng sẽ vô cùng tốn kém, ăn không ngồi rồi, các con tôi sẽ có đũa thay đổi ý kiến, trốn ở lại thì sao?

Nếu không đi sớm được như dự tính, biết đâu sẽ có đứa con nào liêu trồn ở lại. Sự bất ngờ nào cũng có thể xảy ra hết. Nếu có một đứa con ở lại thì tôi cũng không biết sẽ tính sao đây? Nhà cửa tôi đã giao lại cho em tôi. Cơ sở làm ăn đã không còn nữa thì làm cách nào để sinh sống. Trong một tháng cuối cùng tôi không lúc nào yên ổn cả. Lo bán tiệm. Lo khám sức khỏe. Lo thăm viếng bà con, anh em, bạn bè vì tôi nghĩ, ra đi khó có ngày trở về thăm lại bà con, thân nhân, bạn bè. Mình sẽ ở xa nửa vòng trái đất, biết bao giờ có ngày gặp lại những người thân yêu đây. Lòng tôi ngồn ngang trăm mối, đầu óc có bao giờ được yên ổn, thoải mái đâu.

Lần ra đi này lại thêm thử thách mới cho tôi, lại phải thay đổi nghề nghiệp lần nữa, rồi sẽ sống bằng nghề gì đây, lại bắt đầu bằng nghề mới ở tuổi 51, sức khỏe mình không phải loại tốt, cho nên nếu làm nghề gì nặng nhọc đâu có làm nổi. Ở quê hương mình có thể nói tiếng Việt với nhau, làm ăn cũng có cơ sở rồi, phấn đấu gần 8 năm được một cửa hàng để buôn bán, một số khách hàng quen thuộc, sinh sống tương đối rất thoải mái so với người xung quanh như vậy là mình có phước lớn lắm rồi. Mỗi năm đến ngày Lễ hay Tết buôn bán không kịp. Cho nên bà con nói “làm ăn rần rần như vậy, sung sướng quá

rồi còn muốn đi Mỹ làm gì nữa”. Nhưng họ đâu hiểu rằng, làm ăn như vậy nhưng có gì chắc chắn đâu. Họ có thể đóng thuế thật cao lên, mình chịu không nổi mà bỏ cuộc, về phương diện chính trị, rủi ro có truyền đơn chống cộng hay có biến động gì, họ có thể bắt mình vô tù ngay. Làm sao gọi là yên ổn được về mặt tinh thần. Do đó, tôi phải dứt khoát ra đi, đi bất cứ xứ sở nào. Đi Mỹ là niềm mơ ước của tôi từ trong trại cải tạo. Dầu sau này tôi sống như thế nào, có cực khổ ra sao, tôi cũng muốn rời khỏi Việt Nam, để không còn nhìn thấy “cái nón màu vàng” của công an nữa.

Tôi có mặc cảm, ấn tượng xấu về cái nón cối màu vàng. Anh em tù thường gọi là “bọn bò vàng”, thấy màu áo họ mặc, cái nón mà họ đội là tôi khó chịu ngay. Sống trên quê hương mình mà mình cảm giác như người xa lạ, như bị lưu đày, như “quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh” như thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết. Ngày tôi lên máy bay bạn bè tiễn đưa khá đông có anh em trong Nam Hải. Ông Hiệu Trưởng cũ Ông Đại Bằng đã đưa tôi lên tận phi trường, lòng tôi cảm kích vô hạn. Ông Hiệu Trưởng là người thật tận tâm với anh em đồng nghiệp, mà với học trò anh cũng tận tình. Một lần có một học sinh bị xỉu khi đang chào cờ, anh phải tự chở đi nhà thương. Đối với ai, anh cũng tận tình, một người có tấm lòng như vậy thật hiếm có.

Ngày ra đi tôi mừng vui, lo âu lẫn lộn. Mừng vui vì thoát khỏi chế độ cộng sản, không còn thấy mấy anh công an khu vực nữa, được hít thở không khí tự do, được đọc báo, đọc sách trình bày mọi khuynh hướng, mình có thể nói về bất cứ điều gì mình cho là đúng, không sợ bị bắt bớ, bỏ tù vì tội bất đồng chính kiến. Nhưng ngược lại, tôi không biết làm gì để sống ở tuổi 51 đây. Anh vẫn không giỏi lắm, nghề nghiệp chuyên môn không có. Nhưng đã quyết định đi rồi chỉ còn bước tới về phía trước mà thôi, cứ đi đã rồi sẽ giải quyết những khó khăn sắp tới. Khó khăn như thế nào mình đâu có thể biết được.

Đây là lần thay đổi nghề nghiệp thứ ba. Lần thứ nhất tốt nghiệp trường sư phạm Sài Gòn, ra trường, đi dạy học. Lần thứ nhì làm đủ nghề để sống, cuối cùng trụ được nghề bán bia và nước ngọt. Lần này thay đổi nữa không biết làm gì để sống đây. Tôi cũng đành phó thác cho Ông Trời về tương lai của mình. Lo lắng gì đi nữa, sự ra đi cũng là niềm vui đối với tôi và gia đình tôi, để giải quyết nhiều vấn đề cùng một lúc, nhà cửa chật chội sẽ được rộng rãi thêm ra vì vắng một gia đình. Con cái sau này có nghề nghiệp theo ý muốn, không còn bị sự kềm kẹp của công an, được hít thở không khí tự do, đó chính là niềm ao ước quan trọng nhất trong đời tôi.

Hôm ra phi trường, máy bay vừa cất cánh, tôi như thoát khỏi gánh nặng ngàn cân. Tôi thành thật cảm ơn anh Hiệu Trưởng Ông Đại Bàng, anh cựu Giám Học Hồ Công Hưng, các học trò cũ của tôi, các bạn trong Nam Hải và tất cả những người thân yêu đã quan tâm, nâng đỡ tinh thần tôi trong những ngày tháng khó khăn lúc tôi vừa mới ra tù. Tôi vẫn nhớ bác sĩ Phạm Ngọc Trạch đã đến thăm tôi với mấy hộp sữa trên tay, thầy Hà Khải Hoàn cũng đến thăm tôi lúc tôi mới về. Các bạn của bà xã tôi đến dự tiệc mừng tại nhà tôi. Học trò gần gũi tôi nhất là Trần Minh Tùng đã hướng dẫn tôi học nghề châm cứu, nhưng tôi không thể nào thích hợp với nghề này.

Con xin tạ ơn Thượng Đế đã quan tâm, săn sóc, nâng đỡ con, hướng dẫn gia đình con đến được bến bờ tự do.

Giai đoạn sống ở Hoa Kỳ.

Tôi đến Houston, tiểu bang Texas vào ngày một tháng mười một năm 1993. Bước vào “apartment” do người cháu bà con là Lãm và em tôi mượn gồm hai phòng ngủ cho sáu người. Tôi và hai đứa con trai một phòng. Bà xã tôi và hai đứa con gái một phòng. Chánh phủ trợ cấp tiền ăn và tiền phòng trong thời gian tám tháng, sau đó phải tự túc.

Ước vọng tôi cho cháu gái út học lại cho nên tôi nhờ em tôi vào trường Lương Văn Can xin chứng chỉ lớp mười một để học lại lớp 12. Nhưng bà xã tôi nhất quyết cho các cháu đi học “nails” để đi làm sớm. Tôi suy nghĩ rất nhiều về nghề “nails” này. Nghề này chỉ học sáu tháng là đi làm được rồi. Nếu khéo tay kiếm tiền cũng dễ. Nhưng tại sao người Mỹ không làm “nails” để chúng ta, người Việt nam qua đây làm “nails”. Tôi đã biết nghề này ảnh hưởng có hại về sức khỏe. Chất hóa học dễ gây bị bệnh đường hô hấp, hai phổi gây ung thư máu, ung thư óc và ung thư phổi (theo lời Bác sĩ Tuấn nói). Nhưng lời nói của tôi không ai chấp nhận vì ai ai cũng muốn có tiền sớm, làm nghề nào không phải học lâu dài.

Tôi làm nghề bảo hiểm nhân thọ nhờ quen ông Đoàn Hữu Đức hướng dẫn. Tôi đã làm nghề này từ giữa năm 1994 đến nay cuối năm 2009, đã 15 năm.

Năm 1995 tôi có đi cùng anh Nguyễn Văn Kiềm, anh Nguyễn Văn Kim lên thủ đô Washington DC để dự hội thảo chính trị của Liên Minh Dân Chủ Việt nam. Thời gian này anh Nguyễn Tấn Trí đang bị Cộng sản Việt nam giam giữ vì đã về Việt nam tổ chức ra mắt Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân chủ ở Sài gòn. Buổi lễ ra mắt không tổ chức được. Cộng sản đã bắt giữ Nguyễn Đình Huy, Giáo sư Đồng Tuy, Phạm Thái ...

Trong thời gian này (1993) ông Huệ Vũ lại tách ra thành lập nhánh khác của Liên Minh Dân Chủ Việt Nam gọi là Liên Minh Dân Chủ Việt Nam Kiên Định Lập Trường. Phong trào Liên Minh của thầy Nguyễn Ngọc Huy đã bị xé làm đôi. Bảy năm sau, năm 2000, Nguyễn Văn Thiện ở New York lại tách rời nhóm của anh Lê Phát Minh thành lập một nhánh riêng. Rồi ngày hôm nay, chín năm sau, năm 2009 sau khi có đại hội tại Houston đã bầu anh Ngô Thanh Hải làm Chủ tịch Liên Minh Dân Chủ Việt Nam thì nhóm anh em ở Boston lại tách ra thành lập “Liên Minh Dân Chủ Việt Nam Thuần Túy” mà

Lý Hiền Tài, Cựu Dân Biểu Việt Nam Cộng Hòa, làm Chủ Tịch.

Như vậy kể từ năm 1983 khi Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy thành lập Liên Minh cho tới nay tháng 11 năm 2009, đã ba lần tách ra. Tại sao kỳ cục quá như vậy. Chúng ta không thể loại trừ khả năng cộng sản len lỏi vào để phá hoại, phân rẽ hàng ngũ những người quốc gia. Nhưng chúng ta cũng phải nói rằng đó là “bản chất” của người Việt nam, bản chất của con người Việt khi hoạt động chính trị, hay khi sinh hoạt cộng đồng. Khi còn sống Thầy Nguyễn Ngọc Huy thường nói rằng: “Nếu có một người Việt nam và một người Nhật làm ăn cạnh tranh với nhau thì người Việt thành công hơn người Nhật. Nếu có hai người Việt nam hùn hạp làm ăn và cũng có hai người Nhật hùn lập công ty như vậy thì sau một thời gian làm ăn công ty của người Nhật sẽ phát triển hơn công ty của người Việt nam. Cũng như vậy, nếu có ba người Việt thành lập công ty và ba người Nhật cũng làm như vậy, sau thời gian làm ăn, công ty của ba người Nhật phát triển còn công ty của ba người Việt thì đóng cửa. Tại sao?”

Những năm đầu sinh hoạt trong Liên Minh Dân Chủ Việt Nam rất là vui. Thời gian này anh Nguyễn Văn Kiềm làm Phân Khu Trưởng Phân Bộ Nam Texas. Khu Bộ Trưởng là Lê Hồng Thanh. Thường xuyên sinh hoạt ở nhà anh Kiềm. Ngày Tết dương lịch, tổ chức kỷ niệm tại nhà anh Kiềm gần 100 người. Đôi khi tổ chức tại nhà anh chị Đỗ Hiền Điện có mời anh chị các đoàn thể khác đến tham dự, ăn babecue v.v...Sau này không thấy tổ chức đông đảo như vậy được nữa. Có lẽ anh chị em đã mệt mỏi, hoạt động lâu quá rồi mà thấy chẳng tới đâu, không thấy có chuyển biến gì ở Việt nam, đảng Cộng sản vẫn ù lì độc quyền cai trị chẳng có thể lực nào làm cho họ suy yếu, yếu thế đi. Họ bắt bớ hết nhóm này đến nhóm khác gần đây nhất bắt bỏ tù các nhà dân chủ như Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung. Thành viên nhóm 8406 bị bắt rất nhiều như nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, Trần Khải Thanh Thủy. Luật sư Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Linh Mục Nguyễn Văn Lý

Phùng Văn Phụng 69

... đều bị bắt và kết án nhiều năm tù vì đòi tự do ngôn luận. Khi thành lập đảng Thăng Tiến là cộng sản tìm cách bắt và bỏ tù vì họ không chấp nhận có đảng đối lập.

Tôi tham gia Liên Minh Dân Chủ Việt Nam từ đầu năm 1995 thường hội họp ở nhà anh Kiêm, nhà anh Đỗ Hiến Điện, nhà anh Nguyễn Văn Kim. Thời gian hoạt động vui vẻ nhất lúc anh Kiêm làm Phân Khu Trưởng. Có lần ra Gaveston để bán thức ăn gây quỹ cho Liên Minh trong ngày lễ Mardi Gras. Mấy lần tổ chức bán ở Hội chợ Tết Việt nam ở sân vận động Reliant gần khu 610 và 288.

Trong năm 2001 các anh chị em trong nhóm Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Văn Đầy, Lê Văn Phú không đồng ý cách làm việc của nhóm anh Lê Phát Minh, Nguyễn Tấn Trí nên tách ra cũng gọi là Liên Minh Dân Chủ Việt Nam. Trong buổi họp bầu cử Khu Bộ Đông Nam Hoa Kỳ tại nhà anh Đỗ Hiến Điện đưa anh Lê Hồng Thanh lên làm Khu Bộ Trưởng. Anh Kim đã phản đối kịch liệt lớn tiếng với anh em. Sau cuộc bầu cử này, anh Kiêm ngưng sinh hoạt luôn và hiện nay đã quy y cạo tóc đầu, phụ tá cho sư trụ trì ở chùa Đại Giác, số 2501 đường St Emanuel ở Downtown, thường đi tụng kinh trong các đám tang cho các thân hữu. Anh Kim ngưng sinh hoạt luôn. Anh Đầy làm trưởng ban Giám sát của nhóm Liên Minh Dân Chủ Việt nam nhánh Ông Nguyễn Văn Thiện.

Sau này Liên Minh Dân Chủ Việt Nam ở Houston cố gắng mời thêm được một số anh chị em mới nhưng tinh thần hoạt động đã kém hơn trước nhiều, không còn hăng say như lúc đầu nữa. Đến khi nào đất nước Việt nam được tự do, dân chủ thật sự không còn đảng cộng sản độc tài cai trị nữa?.

Nguyễn Văn Vọng rất tích cực cũng ngưng hoạt động và hiện nay (2009) đang học thiền, ngồi thiền. Vợ chồng anh Trạc chủ tịch Phân Khu bộ Nam Texas sau khi đi dự Đại Hội ở Ca Li trở về năm 2005 cũng từ chức và ngưng sinh hoạt luôn. Chuyện ngưng sinh hoạt Liên Minh cũng có nhiều lý do khác

nhau có thể vì mệt mỏi, chán nản, có thể vì lý do cá nhân xung đột bất đồng ý kiến với anh Nguyễn Tấn Trí hay có thể vì đã lớn tuổi mệt mỏi? Hoạt động hoài mà chưa thấy nhen nhúm chút hy vọng nào thay đổi được chế độ cộng sản ở Việt nam.

Tôi cũng cảm thấy quá mệt mỏi vì tuổi tác. Dầu sao các sinh hoạt chính trị cũng có ảnh hưởng một phần nào đến tình hình chính trị ở Việt nam. Nhưng nội bộ cũng quá do cộng sản giật dây? mà cũng có phần tự chia rẽ do tự ái, do háo danh của một số người muốn làm lãnh đạo, muốn làm chủ tịch, nên sinh ra nhiều chuyện lung củng chia rẽ như vậy.

Năm 2009 Đại hội Liên Minh Dân Chủ tại Houston nhóm cựu Dân Biểu Lý Hiền Tài lại tách ra làm nhóm Liên Minh Dân Chủ thuần túy. Đây là lần thứ ba Liên Minh Dân Chủ bị tách ra, chấp nhận sự chia rẽ trầm trọng. Do đó đoàn thể Liên Minh Dân Chủ dần dần suy yếu, làm cho bà con có lưu tâm, để ý đến thời cuộc đâm ra ngán ngấm.

Về Chương Trình Thăng Tiến Hôn Nhân Gia Đình:

Tôi đã dự khoá căn bản của Chương Trình Thăng Tiến Hôn Nhân Gia đình từ năm 2000 và năm sau tôi sinh hoạt trong Ban điều hành của Chương Trình. Những năm đầu rất vui vì anh em tương đối thuận thảo với nhau.

Quang đem Chương trình về Houston tổ chức khóa đầu tiên. Khi anh Nguyễn Văn Thi và Huyền Trân làm Chủ nguyên, bắt đầu có rạn nứt giữa anh Quang và ban Điều hành mới. Khi anh Thi làm bốn năm kế tiếp là Nguyễn Đăng Triệu và Bích Nghi được bầu thay thế cho anh Nguyễn Văn Thi & Huyền Trân. Khi anh Triệu làm được bốn năm không ra tranh cử để nhận chức vụ Chủ nguyên nữa và kêu gọi anh em trong Chương Trình ra tranh cử không có ai xung phong mà đề cử thì không ai chịu nhận trách nhiệm cả. Cuối cùng anh chị Nguyễn Thành Rung và Kim Nga xung phong nhận làm Chủ nguyên. Nhưng

khi nhận làm Chủ nguyên lại bắt đầu xung đột với anh chị Thi &Trân.

Mục đích của Chương Trình Thăng Tiến Hôn Nhân Gia đình là *“Yêu Thương Gắn Gũ Bằng Việc Làm”*

Nền tảng của Chương Trình là Khiêm Nhường Biết lỗi, Nhận lỗi, Xin lỗi, Sửa lỗi và Tha lỗi.

Để thay đổi đời sống của chính bản thân mình và gia đình, dùng phương pháp nói ra *“yêu đuối mà mình đang chiến đấu”*. Dám hành động cụ thể nói ra tật xấu của mình để sửa chữa không phải là dễ, phải có ơn Chúa mới dám nói ra, trình bày cho nhiều người nghe nhờ vậy bản thân cố gắng sửa đổi. Gia đình cũng được hưởng sự vui vẻ, bình an do sự sửa đổi các lỗi lầm đó.

Nhưng thực tế thì những người lãnh đạo trong ban Điều Hành lại không thực hành được, họ đã không "yêu thương gắn gũi bằng việc làm" được mà nói xấu nhau, ganh ghét nhau. Những người cũ không giúp đỡ người mới như Thi & Trân không giúp anh chị Rung & Nga lúc ban đầu mà còn muốn gây khó khăn cho Ban Điều hành mới. Ban Điều Hành mới lại không thân thiện với anh Hoàng Duy Tân, người mà Cha Chu Quang Minh rất tin tưởng là Trưởng Trường Nội Dung toàn thế giới. Cho nên các khoá sau này không có mời anh Tân qua hướng dẫn. Nhất là Bùi Đình Nam không ưa anh Nguyễn Văn Thi, Cụ Chủ Nguyễn và anh Hoàng Duy Tân, Trưởng Ban Diễn giải trung ương. Anh Bùi Đình Nam như là một cô vắn đáng tin cậy nhất của anh chị Rung & Nga, cho nên anh chị Rung Nga hết sức tin tưởng anh Nam. Cuối cùng anh Rung không mời những Chủ nguyên cũ như Triệu Nghi, Thi Trân đến cùng làm việc chung. Từ đó chuyện chia rẽ nói xấu nhau, chia thành phe nhóm làm cho Chương Trình không đoàn kết được. Âu cũng là bản chất hay tính tình của người Việt Nam chăng?

Kể từ năm 2010 tôi giúp cho chương trình khai tâm kitô giáo cho người lớn hay gọi là lớp tân tòng của Giáo Xứ Ngôi Lời Nhập Thể. Sáng Chúa nhật nào tôi cũng đi với nhóm để học hỏi thảo luận cùng với anh chị em mới vào Đạo. Thấy khá vui và có nhiều ý nghĩa. Tôi còn làm thừa tác viên thánh thể hai tối thứ bảy và tối chúa nhật nữa. Thành ra tôi cũng có công việc làm, bận rộn hoài. Làm việc cho Chúa, cho nhà thờ tôi thấy bình an, vui vẻ hơn nhiều so với thời gian sinh hoạt trong Liên Minh Dân Chủ Việt Nam. Tôi còn tham gia tham dự lớp Cầu nguyện với Thánh kinh hằng tuần, vào mỗi tối thứ tư, ở nhà thờ Ngôi Lời Nhập Thể hơn ba năm nay với Thầy Phó Tế Nguyễn Sỹ Bạch hướng dẫn. Tôi hy vọng với việc đi nhà thờ để thờ phụng Chúa, ca ngợi Chúa. Lo việc Chúa, học hỏi lời Chúa, cầu nguyện với Chúa trong nhóm cầu nguyện, chắc chắn tôi sẽ tìm thấy được ***bình an*** hơn nhờ có Chúa ở cùng, mà gia đình cũng nhờ đó được hưởng sự bình an, vui tươi hơn là do nhờ có Chúa trong gia đình. Con cháu sẽ thấy gương đó mà cố gắng học hỏi lời Chúa, tuân theo Thánh Ý Chúa, nhờ đó các con, các cháu có đời sống đạo đức hơn, đời sống tâm linh, đời sống tinh thần ở mức cao hơn là chỉ lo cho đời sống vật chất.

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

AUG 14, 1985

TO WHOM IT MAY CONCERN:

PHUNG VAN PHUNG	BORN 11 JUL 42	(IV 86961)
VO THI DIEN	BORN 20 JUL 47	..
PHUNG VO DONG PHUONG	BORN 9 JUN 58	..
PHUNG VO NGUYEN PHUONG	BORN 1 APR 70	..
PHUNG AI QUOC	BORN 18 JAN 73	..
PHUNG HOANG YEN	BORN 22 OCT 74	..

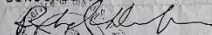
ADDRESS IN VIETNAM: 973 PHAM THE HIEN
P. 7
Q. 8
T. P. HO CHI MINH

VEWL#: 32490

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN HY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM./ THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY./ THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


RICHARD C. DUNBAR, ACTING
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTMENT OFFICE

BANGKOK, THAILAND

ODP-I
10/81

Thư chấp thuận của chính phủ Hoa Kỳ để đi tị nạn

UY BAN NHAN DAN CONG HOA XAOI CHUNG HIA VIETNAM
THANH PHO HO CHI MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SỞ NHÀ ĐẤT 000

Số 6213 / 16

Ngày 27 / 10 / 1993

Kính gửi :- UBND. TP (khối nội chính)
- SỞ NGOẠI VỤ.
- PHÒNG VẾ QUỐC TẾ.
- CÔNG AN CỬA KHẨU.

TÂN SƠN NHẤT.-

Sở Nhà Đất đề nghị các Cơ quan hữu quan
cho tạm hoãn chuyển bay ngày : 1/11/93
của hộ gia đình sau đây :

1. **PHÙNG VĂN PHỤNG: HI9-1079: 973 PHẪM THỊ HIẾN 17 Q8**
 2. **NGUYỄN THỊ THANH TRÚC: CANADA: 255 TRỆCH QUẢNG ĐỨC PHÚ NHUẬN**
- LÝ DO: CHƯA KHAI TRÌNH NHÀ ĐẤT**

Sau khi hộ trên giải quyết xong, Sở Nhà
Đất sẽ thông báo để các Cơ quan giải quyết
tiếp tục xuất cảnh.-

GIÁM ĐỐC SỞ NHÀ ĐẤT

Nơi gửi :
- Như trên
- Các đường sự
- Lưu : VP, PPĐC
NgL.



Giấy đình chỉ chuyển bay của Sở Nhà Đất

Phùng Văn Phụng 75

Xin mời đọc câu nói sau đây của Mẹ Têrêsa Calcutta
để kết thúc cuốn Hồi Ký này:

*Hoa quả của im lặng là cầu nguyện,
Hoa quả của cầu nguyện là đức tin,
Hoa quả của đức tin là tình yêu,
Hoa quả của tình yêu là phục vụ,
Hoa quả của phục vụ là BÌNH AN*

Mẹ Têrêsa Calcutta

Viết xong năm 2010 có đọc lại và sửa chữa
tháng 10 năm 2024

